

Số: **22** /2016/TT-BTNMTHà Nội, ngày **26** tháng **8** năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 0 ...
	Ngày: ... 23/9 ...

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **18** tháng **10** năm 2016.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDDVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC ĐỊA DANH
 DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
 CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN
 TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: **22**/2016/TT-BTNMT
 ngày **26** tháng **8** năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Phần I
 QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu “*” là địa danh thuộc vùng tranh chấp.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột “địa danh”.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Bà Rịa	4
2	Thành phố Vũng Tàu	10
3	Huyện Châu Đức	23
4	Huyện Đất Đỏ	35
5	Huyện Long Điền	42
6	Huyện Tân Thành	49
7	Huyện Xuyên Mộc	60

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 51	KX	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
sông Ấn Thít	TV	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa			10° 28' 06"	107° 08' 27"	10° 25' 25"	107° 06' 05"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
hồ Ba Cô	TV	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	10° 30' 54"	107° 08' 58"					C-48-35-C-d
sông Bà Tim	TV	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa			10° 29' 09"	107° 08' 13"	10° 28' 06"	107° 08' 27"	C-48-47-A-b+d
miếu Long Hoà	SV	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	10° 32' 19"	107° 07' 54"					C-48-35-C-d
khu phố Hải Dinh	DC	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	10° 30' 17"	107° 08' 18"					C-48-35-C-d
khu phố Kim Hải	DC	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	10° 30' 27"	107° 07' 52"					C-48-35-C-d
khu phố Kim Sơn	DC	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	10° 30' 13"	107° 07' 59"					C-48-35-C-d
sông Long Hoà	TV	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa			10° 28' 42"	107° 06' 39"	10° 29' 09"	107° 08' 13"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
sông Mũi Giụi	TV	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa			10° 28' 42"	107° 06' 39"	10° 28' 06"	107° 08' 27"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
khu phố Nam Dinh	DC	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	10° 30' 08"	107° 08' 59"					C-48-35-C-d
ngọn Năm Mươi	TV	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa			10° 28' 36"	107° 07' 30"	10° 28' 13"	107° 06' 55"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
khu phố Núi Dinh	DC	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	10° 30' 14"	107° 09' 02"					C-48-35-C-d
quốc lộ 51	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
sông Ba Cội	TV	P. Long Hương	TP. Bà Rịa			10° 28' 06"	107° 08' 27"	10° 28' 31"	107° 09' 44"	C-48-47-A-b+d
công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 29' 24"	107° 09' 53"					C-48-47-A-b+d
Trạm phân phối Khí Bà Rịa	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 29' 09"	107° 09' 59"					C-48-47-A-b+d
sông Bà Tim	TV	P. Long Hương	TP. Bà Rịa			10° 29' 09"	107° 08' 13"	10° 28' 06"	107° 08' 27"	C-48-47-A-b+d
đường Cách Mạng Tháng Tám	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa			10° 30' 03"	107° 09' 21"	10° 29' 22"	107° 11' 22"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
rạch Cồn Cát	TV	P. Long Hương	TP. Bà Rịa			10° 28' 45"	107° 08' 48"	10° 28' 10"	107° 08' 38"	C-48-47-A-b+d
cầu Điện Biên Phủ	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 13"	107° 10' 01"					C-48-35-C-d
Núi Dinh	SV	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 32' 19"	107° 07' 54"					C-48-35-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Dinh	TV	P. Long Hương	TP. Bà Rịa			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
Di tích Cách mạng Hang Dơi	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 31' 29"	107° 08' 54"					C-48-35-C-d
khu phố Hương Điền	DC	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 18"	107° 09' 54"					C-48-35-C-d
khu phố Hương Giang	DC	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 29' 55"	107° 09' 39"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hương Sơn	DC	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 09"	107° 09' 31"					C-48-35-C-d
khu phố Hương Tân	DC	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 00"	107° 09' 28"					C-48-35-C-d
chùa Long Cốc	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 05"	107° 09' 26"					C-48-35-C-d
miếu Long Hoà	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 53"	107° 09' 31"					C-48-35-C-d
sông Long Hoà	TV	P. Long Hương	TP. Bà Rịa			10° 28' 06"	107° 08' 27"	10° 28' 42"	107° 06' 39"	C-48-47-A-a
cầu Long Hương	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 29' 56"	107° 09' 53"					C-48-47-A-b+d
đình thần Long Hương	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 29' 38"	107° 09' 48"					C-48-47-A-b+d
nghĩa trang Long Hương	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 03"	107° 09' 29"					C-48-35-C-d
lăng Ông Nam Hải	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 31' 04"	107° 09' 30"					C-48-35-C-d
Trung tâm Hoà táng Núi Dinh	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 29' 09"	107° 09' 59"					C-48-47-A-b+d
cầu Sông Dinh	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 29' 37"	107° 09' 52"					C-48-47-A-b+d
Võ Từ Đường	KX	P. Long Hương	TP. Bà Rịa	10° 30' 11"	107° 09' 50"					C-48-35-C-d
Khu phố 1	DC	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 30' 50"	107° 11' 08"					C-48-35-C-d
Khu phố 2	DC	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 30' 19"	107° 11' 53"					C-48-35-C-d
Khu phố 3	DC	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 29' 59"	107° 12' 03"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 4	DC	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 30' 39"	107° 11' 23"					C-48-35-C-d
Khu phố 5	DC	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 30' 28"	107° 11' 23"					C-48-35-C-d
Bệnh viện Đa khoa Bà Rịa	KX	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 30' 38"	107° 11' 42"					C-48-35-C-d
đường Hùng Vương	KX	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
Bệnh xá Quân Y	KX	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 30' 34"	107° 11' 25"					C-48-35-C-d
Bàu Tràm	TV	P. Long Tâm	TP. Bà Rịa	10° 30' 13"	107° 12' 02"					C-48-35-C-d
Khu phố 1	DC	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 31"	107° 11' 39"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 2	DC	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 42"	107° 11' 31"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 3	DC	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 48"	107° 11' 52"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 5	DC	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 58"	107° 11' 34"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 6	DC	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 32"	107° 11' 12"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 7	DC	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 08"	107° 11' 39"					C-48-47-A-b+d
đường tỉnh 44A	KX	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d
Trường Cao đẳng sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 30"	107° 11' 22"					C-48-47-A-b+d
đường Cách Mạng Tháng Tám	KX	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa			10° 30' 03"	107° 09' 21"	10° 29' 22"	107° 11' 22"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	KX	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 15"	107° 11' 32"					C-48-47-A-b+d
cầu Thủ Lựu	KX	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa	10° 29' 24"	107° 11' 18"					C-48-47-A-b+d
sông Thủ Lựu	TV	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa			10° 30' 34"	107° 10' 44"	10° 27' 49"	107° 10' 23"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-C-d
rạch Vũng Dền	TV	P. Long Toàn	TP. Bà Rịa			10° 28' 52"	107° 11' 38"	10° 28' 48"	107° 11' 20"	C-48-47-A-b+d
Khu phố 1	DC	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 40"	107° 10' 02"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 2	DC	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 50"	107° 09' 59"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 3	DC	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 49"	107° 09' 50"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 4	DC	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 56"	107° 10' 06"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 5	DC	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 50"	107° 10' 21"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 6	DC	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 30' 05"	107° 10' 06"					C-48-35-C-d
đường 27 tháng 4	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa			10° 29' 44"	107° 09' 54"	10° 30' 57"	107° 10' 16"	C-48-35-C-d
quốc lộ 51	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
đường Cách Mạng Tháng Tám	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa			10° 30' 03"	107° 09' 21"	10° 29' 22"	107° 11' 22"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
nhà thờ Chánh Toà	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 53"	107° 10' 07"					C-48-35-C-d
cầu Điện Biên Phủ	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 30' 13"	107° 10' 01"					C-48-35-C-d
Sông Dinh	TV	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
công viên Lê Thành Duy	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 54"	107° 10' 00"					C-48-35-C-d
cầu Long Hương	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 56"	107° 09' 53"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Nguyễn Hữu Thọ	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa			10° 30' 06"	107° 10' 19"	10° 29' 22"	107° 10' 20"	C-48-47-A-b+d
Di tích Lịch sử Nhà Tròn	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 54"	107° 09' 57"					C-48-47-A-b+d
cầu Sông Dinh	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 29' 37"	107° 09' 52"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm Văn hoá Thông tin tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	P. Phước Hiệp	TP. Bà Rịa	10° 30' 05"	107° 09' 58"					C-48-35-C-d
Khu phố 3	DC	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 30' 12"	107° 10' 15"					C-48-35-C-d
Khu phố 4	DC	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 31' 08"	107° 10' 59"					C-48-35-C-d
Khu phố 7	DC	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 30' 24"	107° 10' 24"					C-48-35-C-d
đường 27 tháng 4	KX	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa			10° 29' 44"	107° 09' 54"	10° 30' 57"	107° 10' 16"	C-48-35-C-d
cầu Điện Biên Phủ	KX	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 30' 13"	107° 10' 01"					C-48-35-C-d
Sông Dinh	TV	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
đường Hùng Vương	KX	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
cầu Nhà máy Nước	KX	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 30' 59"	107° 10' 13"					C-48-35-C-d
nhà máy Nước Sông Dinh	KX	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 31' 01"	107° 10' 21"					C-48-35-C-d
sân vận động thành phố Bà Rịa	KX	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 30' 33"	107° 10' 20"					C-48-35-C-d
kênh Thuỷ Lợi	TV	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa			10° 31' 30"	107° 11' 05"	10° 31' 00"	107° 11' 16"	C-48-35-C-d
nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	P. Phước Hưng	TP. Bà Rịa	10° 30' 52"	107° 11' 01"					C-48-35-C-d
Khu phố 1	DC	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 29' 55"	107° 10' 34"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 2	DC	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 29' 39"	107° 11' 09"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 3	DC	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 30' 09"	107° 10' 52"					C-48-35-C-d
Khu phố 4	DC	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 30' 14"	107° 10' 30"					C-48-35-C-d
Khu phố 6	DC	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 30' 10"	107° 11' 23"					C-48-35-C-d
Trường Trung học phổ thông Bà Rịa	KX	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 30' 14"	107° 10' 48"					C-48-47-A-b+d
Trường Trung cấp Biên Phòng	KX	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 29' 51"	107° 11' 13"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Cách Mạng Tháng Tám	KX	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa			10° 30' 03"	107° 09' 21"	10° 29' 22"	107° 11' 22"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
đường Hùng Vương	KX	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
giáo xứ Long Kiên	KX	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 30' 17"	107° 11' 07"					C-48-35-C-d
nhà thi đấu Thể dục thể thao thành phố Bà Rịa	KX	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa	10° 30' 01"	107° 10' 54"					C-48-35-C-d
sông Vững Dền	TV	P. Phước Nguyên	TP. Bà Rịa			10° 30' 34"	107° 10' 44"	10° 27' 49"	107° 10' 23"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-C-d
Khu phố 2	DC	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 29' 27"	107° 10' 08"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 3	DC	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 29' 38"	107° 10' 37"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 4	DC	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 29' 33"	107° 10' 35"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 5	DC	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 29' 11"	107° 10' 37"					C-48-47-A-b+d
quốc lộ 51	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
Miếu Bà	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 28' 27"	107° 09' 54"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm Thương mại Bà Rịa	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 29' 31"	107° 10' 08"					C-48-47-A-b+d
đường Bạch Đằng	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa			10° 30' 06"	107° 10' 19"	10° 29' 22"	107° 10' 20"	C-48-47-A-b+d
đò Bến Súc	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 28' 23"	107° 09' 53"					C-48-47-A-b+d
đường Cách Mạng Tháng Tám	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa			10° 30' 03"	107° 09' 21"	10° 29' 22"	107° 11' 22"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
cầu Cỏ May	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 27' 55"	107° 10' 02"					C-48-47-A-b+d
xí nghiệp Nuôi tôm Cỏ May	KX	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa	10° 28' 16"	107° 10' 20"					C-48-47-A-b+d
sông Cỏ May	TV	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 28' 31"	107° 09' 44"	C-48-47-A-b+d
Sông Dinh	TV	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa			10° 45' 56"	108° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
sông Vững Dền	TV	P. Phước Trung	TP. Bà Rịa			10° 30' 34"	107° 10' 44"	10° 27' 49"	107° 10' 23"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
Sông Dinh	TV	xã Tân Hưng	TP. Bà Rịa			10° 45' 56"	108° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
cầu Nhà máy Nước	KX	xã Tân Hưng	TP. Bà Rịa	10° 30' 59"	107° 10' 13"					C-48-35-C-d
ấp Phước Tân 1	DC	xã Tân Hưng	TP. Bà Rịa	10° 31' 12"	107° 09' 48"					C-48-35-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Phước Tân 2	DC	xã Tân Hưng	TP. Bà Rịa	10° 31' 29"	107° 09' 54"					C-48-35-C-d
ấp Phước Tân 3	DC	xã Tân Hưng	TP. Bà Rịa	10° 31' 41"	107° 09' 56"					C-48-35-C-d
ấp Phước Tân 4	DC	xã Tân Hưng	TP. Bà Rịa	10° 31' 49"	107° 10' 06"					C-48-35-C-d
ấp Phước Tân 5	DC	xã Tân Hưng	TP. Bà Rịa	10° 32' 39"	107° 10' 13"					C-48-35-C-d
Đường xã 2	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
Đường xã 3	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 31' 59"	107° 12' 37"	10° 31' 40"	107° 13' 33"	C-48-35-C-d
đường tỉnh 52	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-35-C-d
quốc lộ 56	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
Trường Trung cấp Y tế Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 30' 50"	107° 11' 40"					C-48-35-C-d
ấp Bắc 1	DC	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 24"	107° 12' 06"					C-48-35-C-d
ấp Bắc 2	DC	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 32' 10"	107° 12' 35"					C-48-35-C-d
ấp Bắc 3	DC	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 33"	107° 11' 41"					C-48-35-C-d
chùa Bửu Long Tự	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 40"	107° 12' 14"					C-48-35-C-d
suối Cầu Ông Địa	TV	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 30' 57"	107° 12' 38"	10° 30' 00"	107° 13' 08"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
Sông Dinh	TV	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
Ấp Đông	DC	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 50"	107° 12' 36"					C-48-35-C-d
mương Đồng Xoài	TV	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 31' 30"	107° 11' 05"	10° 33' 02"	107° 11' 53"	C-48-35-C-d
đường Hùng Vương	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
chùa Kiên Linh	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 24"	107° 12' 23"					C-48-35-C-d
chùa Long Nguyên	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 22"	107° 11' 40"					C-48-35-C-d
chùa Long Quang	KX	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 30' 56"	107° 12' 28"					C-48-35-C-d
Ấp Nam	DC	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 16"	107° 12' 22"					C-48-35-C-d
suối Sông Cầu	TV	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 33' 07"	107° 11' 41"	10° 32' 34"	107° 10' 58"	C-48-35-C-d
Ấp Tây	DC	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa	10° 31' 12"	107° 12' 13"					C-48-35-C-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Hoà Long	TP. Bà Rịa			10° 31' 30"	107° 11' 05"	10° 31' 00"	107° 11' 16"	C-48-35-C-d
Đường xã 2	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
Đường xã 3	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa			10° 31' 59"	107° 12' 37"	10° 31' 40"	107° 13' 33"	C-48-35-C-d
Đường xã 8	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa			10° 31' 30"	107° 13' 21"	10° 29' 45"	107° 12' 46"	C-48-35-C-d
đường tỉnh 52	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-35-C-d
Ấp Bắc	DC	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 32' 05"	107° 13' 59"					C-48-35-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thánh thất Cao Đài	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 31' 27"	107° 13' 17"					C-48-35-C-d
suối Cầu Ông Địa	TV	xã Long Phước	TP. Bà Rịa			10° 30' 57"	107° 12' 38"	10° 30' 00"	107° 13' 08"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
suối Đá Bàn	TV	xã Long Phước	TP. Bà Rịa			10° 40' 04"	107° 15' 22"	10° 30' 37"	107° 14' 09"	C-48-35-C-d
Núi Đất	SV	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 33' 26"	107° 13' 07"					C-48-35-C-d
Ấp Đông	DC	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 31' 37"	107° 14' 02"					C-48-35-C-d
Di tích địa đạo Long Phước	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 32' 12"	107° 13' 58"					C-48-35-C-d
Ấp Nam	DC	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 31' 24"	107° 13' 28"					C-48-35-C-d
ấp Phong Phú	DC	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 33' 43"	107° 13' 19"					C-48-35-C-d
chùa Phước Hưng	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 32' 56"	107° 13' 20"					C-48-35-C-d
ấp Phước Hữu	DC	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 31' 15"	107° 13' 07"					C-48-35-C-d
chùa Phước Long	KX	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 30' 46"	107° 12' 51"					C-48-35-C-d
Ấp Tây	DC	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 31' 50"	107° 13' 30"					C-48-35-C-d
Bàu Úc	TV	xã Long Phước	TP. Bà Rịa	10° 32' 51"	107° 13' 29"					C-48-35-C-d
Khu phố 1	DC	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 07"	107° 04' 06"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 20' 53"	107° 04' 36"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 20' 51"	107° 04' 22"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 20' 46"	107° 04' 33"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 20' 39"	107° 04' 27"					C-48-47-A-c
Khu phố 6	DC	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 08"	107° 04' 30"					C-48-47-A-c
đường Ba Cu	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu			10° 20' 54"	107° 04' 16"	10° 21' 21"	107° 04' 59"	C-48-47-A-c
Di tích Lịch sử văn hoá Bạch Dinh	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 11"	107° 03' 59"					C-48-47-A-c
chùa Bồ Đề	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 26"	107° 03' 43"					C-48-47-A-c
ga cáp treo Khu du lịch Hồ Mây	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 04"	107° 03' 57"					C-48-47-A-c
khu du lịch Hồ Mây	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 39"	107° 03' 53"					C-48-47-A-c
sân vận động Lam Sơn	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 12"	107° 04' 19"					C-48-47-A-c
khu du lịch Làng Bình An	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 29"	107° 03' 32"					C-48-47-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu			10° 20' 47"	107° 04' 22"	10° 22' 26"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
Bệnh viện Lê Lợi	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 15"	107° 04' 23"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Núi Lớn	SV	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 41"	107° 04' 00"					C-48-47-A-c
đường Quang Trung	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu			10° 21' 21"	107° 04' 59"	10° 20' 54"	107° 04' 16"	C-48-47-A-c
chùa Tam Bảo	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 22"	107° 03' 56"					C-48-47-A-c
bảo tàng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 05"	107° 04' 06"					C-48-47-A-c
đường Trần Phú	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu			10° 20' 54"	107° 04' 16"	10° 22' 17"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
Bãi Trước	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 20' 46"	107° 04' 14"					C-48-47-A-c
đường Trương Công Định	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu			10° 20' 33"	107° 04' 23"	10° 22' 13"	107° 05' 24"	C-48-47-A-c
chùa Vĩnh Nghiêm	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 21' 11"	107° 04' 13"					C-48-47-A-c
giáo xứ Vũng Tàu	KX	P. 1	TP. Vũng Tàu	10° 20' 50"	107° 04' 33"					C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 31"	107° 04' 29"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 05"	107° 04' 46"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 27"	107° 04' 40"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 12"	107° 04' 13"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 20"	107° 04' 46"					C-48-47-A-c
Khu phố 6	DC	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 13"	107° 05' 02"					C-48-47-A-c
Khu phố 7	DC	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 58"	107° 05' 08"					C-48-47-A-c
Bãi Dứa	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 48"	107° 04' 36"					C-48-47-A-c
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 20' 29"	107° 04' 31"	10° 20' 27"	107° 04' 36"	C-48-47-A-c
đền Đức thánh Trần	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 00"	107° 04' 19"					C-48-47-A-c
đường Hạ Long	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 20' 33"	107° 04' 23"	10° 19' 49"	107° 05' 10"	C-48-47-A-c
đường Hải Đăng	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 20' 31"	107° 04' 18"	10° 20' 08"	107° 04' 28"	C-48-47-A-c
đền Hải Đăng	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 08"	107° 04' 34"					C-48-47-A-c
đường Hoàng Hoa Thám	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 20' 08"	107° 05' 18"	10° 20' 36"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
miếu Hòn Bà	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 30"	107° 05' 16"					C-48-47-A-c
tượng Chúa Kitô Vua	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 39"	107° 04' 58"					C-48-47-A-c
chùa Linh Phong Thiền Uyên	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 09"	107° 04' 44"					C-48-47-A-c
chùa Linh Sơn Cổ Tự	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 24"	107° 04' 56"					C-48-47-A-c
mũi Nghinh Phong	SV	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 16"	107° 04' 56"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	VI độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	VI độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Ngọc Hương	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 26"	107° 04' 31"					C-48-47-A-c
Núi Nhỏ	SV	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 06"	107° 04' 33"					C-48-47-A-c
chùa Niết Bàn Tịnh Xá	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 50"	107° 04' 38"					C-48-47-A-c
đường Phan Bội Châu	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 20' 33"	107° 04' 26"	10° 20' 29"	107° 04' 31"	C-48-47-A-c
đường Phan Chu Chinh	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 20' 27"	107° 04' 36"	10° 20' 16"	107° 04' 45"	C-48-47-A-c
chùa Quan Âm Phật Đài	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 39"	107° 04' 50"					C-48-47-A-c
đường Thuỷ Vân	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 19' 49"	107° 05' 10"	10° 21' 18"	107° 06' 06"	C-48-47-A-c
bãi tắm Thuỷ Vân	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 01"	107° 04' 36"					C-48-47-A-c
Trạm cấp cứu Bờ biển 1	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 19' 57"	107° 05' 20"					C-48-47-A-c
chùa Từ Quang	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 15"	107° 04' 16"					C-48-47-A-c
đường Võ Thị Sáu	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu			10° 19' 53"	107° 04' 58"	10° 20' 57"	107° 05' 24"	C-48-47-A-c
bến tàu cánh ngầm Vũng Tàu	KX	P. 2	TP. Vũng Tàu	10° 20' 25"	107° 04' 09"					C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 20' 41"	107° 04' 46"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 20' 53"	107° 04' 57"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 21' 01"	107° 04' 52"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 21' 15"	107° 04' 53"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 20' 59"	107° 04' 42"					C-48-47-A-c
đường Ba Cu	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu			10° 20' 54"	107° 04' 16"	10° 21' 21"	107° 04' 59"	C-48-47-A-c
Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 20' 59"	107° 04' 49"					C-48-47-A-c
Trường Cao đẳng Nghề Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 20' 56"	107° 04' 47"					C-48-47-A-c
đường Hoàng Hoa Thám	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu			10° 20' 08"	107° 05' 18"	10° 20' 36"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
đường Lê Hồng Phong	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu			10° 20' 49"	107° 05' 42"	10° 21' 47"	107° 04' 26"	C-48-47-A-c
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu			10° 20' 41"	107° 04' 52"	10° 21' 14"	107° 05' 09"	C-48-47-A-c
chùa Phật Bửu Tự	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 21' 10"	107° 04' 44"					C-48-47-A-c
nhà thờ Tin Lành	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 21' 08"	107° 04' 43"					C-48-47-A-c
công viên Trần Hưng Đạo	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu	10° 20' 36"	107° 04' 36"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Trương Công Định	KX	P. 3	TP. Vũng Tàu			10° 20' 33"	107° 04' 23"	10° 22' 13"	107° 05' 24"	C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 23"	107° 04' 19"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 20"	107° 04' 26"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 33"	107° 04' 26"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 25"	107° 04' 32"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 23"	107° 04' 39"					C-48-47-A-c
Khu phố 6	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 30"	107° 04' 43"					C-48-47-A-c
Khu phố 7	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 09"	107° 04' 36"					C-48-47-A-c
Khu phố 8	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 14"	107° 04' 35"					C-48-47-A-c
Khu phố 9	DC	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 22"	107° 04' 53"					C-48-47-A-c
đường Ba Cu	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu			10° 20' 54"	107° 04' 16"	10° 21' 21"	107° 04' 59"	C-48-47-A-c
thánh thất Cao Đài	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 29"	107° 04' 20"					C-48-47-A-c
chùa Hưng Hiệp Tự	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 22"	107° 04' 32"					C-48-47-A-c
đường Lê Hồng Phong	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu			10° 20' 49"	107° 05' 42"	10° 21' 47"	107° 04' 26"	C-48-47-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu			10° 20' 47"	107° 04' 22"	10° 22' 26"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
đường Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu			10° 21' 13"	107° 04' 32"	10° 21' 37"	107° 04' 38"	C-48-47-A-c
chùa Thích Ca	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 23"	107° 04' 29"					C-48-47-A-c
đền Tiên Sư	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 27"	107° 04' 28"					C-48-47-A-c
chùa Vạn Phước	KX	P. 4	TP. Vũng Tàu	10° 21' 17"	107° 04' 47"					C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 18"	107° 03' 37"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 51"	107° 03' 18"					C-48-47-A-a
Khu phố 3	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 59"	107° 03' 47"					C-48-47-A-a
Khu phố 4	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 23' 04"	107° 03' 51"					C-48-47-A-a
Khu phố 5	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 51"	107° 04' 08"					C-48-47-A-a
Khu phố 6	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 35"	107° 04' 12"					C-48-47-A-c
Khu phố 7	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 30"	107° 04' 03"					C-48-47-A-a
Khu phố 8	DC	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 39"	107° 03' 53"					C-48-47-A-c
đường Bạch Đằng	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu			10° 22' 54"	107° 03' 54"	10° 22' 38"	107° 04' 08"	C-48-47-A-a
nhà thờ Bãi Dâu	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 16"	107° 03' 36"					C-48-47-A-c
đồn biên phòng Bến Đá	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 23' 04"	107° 03' 40"					C-48-47-A-a
nhà thờ Bến Đá	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 58"	107° 03' 50"					C-48-47-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Bến Đình	TV	P. 5	TP. Vũng Tàu			10° 22' 48"	107° 05' 09"	10° 22' 58"	107° 04' 07"	C-48-47-A-a
Bãi Dâu	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 08"	107° 03' 33"					C-48-47-A-c
mũi Gành Rái	SV	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 23' 17"	107° 03' 29"					C-48-47-A-a
khu du lịch Hồ Mây	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 21' 39"	107° 03' 53"					C-48-47-A-c
chùa Hưng Thắng Tự	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 03"	107° 03' 47"					C-48-47-A-c
cảng Incomap	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 47"	107° 04' 09"					C-48-47-A-a
Núi Lớn	SV	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 21' 41"	107° 04' 00"					C-48-47-A-a
chùa Quan Âm Bồ Tát	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 23"	107° 03' 25"					C-48-47-A-c
chùa Quảng Đức	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 23' 14"	107° 03' 39"					C-48-47-A-a
chùa Quy Sơn	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 35"	107° 03' 58"					C-48-47-A-a
giáo xứ Sao Mai	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 23' 09"	107° 03' 27"					C-48-47-A-a
chùa Thích Ca Phật Đài	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu	10° 22' 33"	107° 04' 08"					C-48-47-A-a
đường Trần Phú	KX	P. 5	TP. Vũng Tàu			10° 20' 54"	107° 04' 16"	10° 22' 17"	107° 04' 30"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 22' 02"	107° 04' 31"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 22' 14"	107° 04' 40"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 57"	107° 04' 35"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 45"	107° 04' 42"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 28"	107° 04' 57"					C-48-47-A-c
Khu phố 6	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 44"	107° 05' 07"					C-48-47-A-c
Khu phố 7	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 22' 01"	107° 04' 59"					C-48-47-A-c
Khu phố 8	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 52"	107° 05' 01"					C-48-47-A-c
Khu phố 9	DC	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 42"	107° 04' 56"					C-48-47-A-c
chùa Kim Liên	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 22' 12"	107° 04' 42"					C-48-47-A-c
đường Lê Hồng Phong	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu			10° 20' 49"	107° 05' 42"	10° 21' 47"	107° 04' 26"	C-48-47-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu			10° 20' 47"	107° 04' 22"	10° 22' 26"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
tỉnh xá Ngọc Đăng	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 26"	107° 04' 58"					C-48-47-A-c
đường Nguyễn An Ninh	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu			10° 21' 18"	107° 06' 06"	10° 22' 17"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu			10° 21' 37"	107° 04' 38"	10° 22' 08"	107° 04' 01"	C-48-47-A-c
đền Quan Thánh	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 22' 09"	107° 04' 49"					C-48-47-A-c
nhà thờ Tân Châu	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 22' 08"	107° 04' 43"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Trương Công Định	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu			10° 20' 33"	107° 04' 23"	10° 22' 13"	107° 05' 24"	C-48-47-A-c
khu nhà ở Việt Xô	KX	P. 7	TP. Vũng Tàu	10° 21' 37"	107° 04' 48"					C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 35"	107° 05' 15"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 16"	107° 05' 41"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 10"	107° 05' 26"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 28"	107° 05' 17"					C-48-47-A-c
Khu phố 6	DC	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 44"	107° 05' 23"					C-48-47-A-c
Khu phố 7	DC	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 31"	107° 05' 34"					C-48-47-A-c
đường 3 tháng 2	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 21' 00"	107° 05' 28"	C-48-47-A-c; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-a
miếu Bà Ngũ Bang	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 38"	107° 05' 25"					C-48-47-A-c
đường Bình Giã	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 24' 02"	107° 06' 53"	10° 21' 12"	107° 05' 11"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-c
tịnh xá Bồ Đề	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 19"	107° 05' 28"					C-48-47-A-c
tượng đài Dầu Khí	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 53"	107° 05' 28"					C-48-47-A-c
đường Lê Hồng Phong	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 20' 49"	107° 05' 42"	10° 21' 47"	107° 04' 26"	C-48-47-A-c
chùa Linh Quang	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 27"	107° 05' 04"					C-48-47-A-c
đường Nguyễn An Ninh	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 21' 18"	107° 06' 06"	10° 22' 17"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
đường Thi Sách	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 21' 00"	107° 05' 28"	10° 21' 04"	107° 05' 54"	C-48-47-A-c
đường Thống Nhất	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 21' 16"	107° 05' 06"	10° 21' 53"	107° 05' 28"	C-48-47-A-c
đường Thủy Vân	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 19' 49"	107° 05' 10"	10° 21' 18"	107° 06' 06"	C-48-47-A-c
bãi tắm Thủy Vân	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 20' 01"	107° 04' 36"					C-48-47-A-c
đường Trương Công Định	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu			10° 20' 33"	107° 04' 23"	10° 22' 13"	107° 05' 24"	C-48-47-A-c
Trường Trung học phổ thông Vũng Tàu	KX	P. 8	TP. Vũng Tàu	10° 21' 07"	107° 05' 41"					C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 22' 32"	107° 05' 11"					C-48-47-A-a
Khu phố 2	DC	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 22' 26"	107° 05' 07"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 22' 23"	107° 04' 56"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 22' 10"	107° 05' 11"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	VI độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	VI độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 5	DC	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 22' 07"	107° 05' 17"					C-48-47-A-a
xí nghiệp Lắp máy 18 tháng 3	KX	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 22' 39"	107° 05' 12"					C-48-47-A-a
đường 30 tháng 4	KX	P. 9	TP. Vũng Tàu			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-47-A-a
rạch Bến Đình	TV	P. 9	TP. Vũng Tàu			10° 22' 48"	107° 05' 09"	10° 22' 58"	107° 04' 07"	C-48-47-A-a
đường Bình Giã	KX	P. 9	TP. Vũng Tàu			10° 24' 02"	107° 06' 53"	10° 21' 12"	107° 05' 11"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-c
bia Di tích Lịch sử Ngã tư Giếng Nước	KX	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 22' 12"	107° 04' 58"					C-48-47-A-c
đường Nguyễn An Ninh	KX	P. 9	TP. Vũng Tàu			10° 21' 18"	107° 06' 06"	10° 22' 17"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
đường Trương Công Định	KX	P. 9	TP. Vũng Tàu			10° 20' 33"	107° 04' 23"	10° 22' 13"	107° 05' 24"	C-48-47-A-c
Liên doanh Việt-Nga Vietsopetro	KX	P. 9	TP. Vũng Tàu	10° 23' 05"	107° 05' 15"					C-48-47-A-a
Khu phố 1	DC	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 57"	107° 06' 49"					C-48-47-A-a
Khu phố 2	DC	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 59"	107° 07' 21"					C-48-47-A-a
Khu phố 3	DC	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 23"	107° 06' 58"					C-48-47-A-c
Đồi 3	SV	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 23' 01"	107° 07' 25"					C-48-47-A-a
Khu phố 4	DC	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 49"	107° 07' 26"					C-48-47-A-a
Đồi 4	SV	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 40"	107° 06' 56"					C-48-47-A-a
đồn biên phòng 518	KX	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 15"	107° 06' 59"					C-48-47-A-a
đường 3 tháng 2	KX	P. 10	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 21' 00"	107° 05' 28"	C-48-47-A-c; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-a
quốc lộ 51B	KX	P. 10	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 23' 03"	107° 06' 47"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
đường Bình Giã	KX	P. 10	TP. Vũng Tàu			10° 24' 02"	107° 06' 53"	10° 21' 12"	107° 05' 11"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-c
khu trung tâm đô thị Chí Linh	KX	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 46"	107° 06' 44"					C-48-47-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Dinh	TV	P. 10	TP. Vũng Tàu			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
khu du lịch biệt thự Thanh Bình	KX	P. 10	TP. Vũng Tàu	10° 22' 47"	107° 07' 35"					C-48-47-A-a
Khu phố 1	DC	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 07"	107° 07' 18"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 2	DC	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 17"	107° 07' 29"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 3	DC	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 28"	107° 08' 05"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 4	DC	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 40"	107° 08' 08"					C-48-47-A-b+d
đường 3 tháng 2	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 21' 00"	107° 05' 28"	C-48-47-A-c; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-
đường 30 tháng 4	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-
quốc lộ 51B	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 23' 03"	107° 06' 47"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
rạch Cầu Cháy	TV	P. 11	TP. Vũng Tàu			10° 23' 25"	107° 08' 36"	10° 24' 31"	107° 10' 33"	C-48-47-A-b+d
Trường Cao đẳng Cộng Đồng	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 23' 41"	107° 08' 27"					C-48-47-A-b+d
Sông Dinh	TV	P. 11	TP. Vũng Tàu			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
Đài Thông tin Duyên hải Vũng Tàu	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 23' 44"	107° 08' 35"					C-48-47-A-b+d
chùa Pháp Thắng Tự	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 32"	107° 07' 55"					C-48-47-A-b+d
cầu Rạch Bà	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 10"	107° 07' 13"					C-48-47-A-a
kênh Rạch Bà	TV	P. 11	TP. Vũng Tàu			10° 24' 10"	107° 07' 13"	10° 23' 19"	107° 06' 28"	C-48-47-A-a
xí nghiệp Đóng tàu Shipya Vũng Tàu	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 51"	107° 07' 38"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm Trắc địa Biển	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 23' 46"	107° 08' 40"					C-48-47-A-b+d
Vùng Cảnh sát Biển 3	KX	P. 11	TP. Vũng Tàu	10° 24' 39"	107° 07' 21"					C-48-47-A-a
Khu phố 1	DC	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 24' 27"	107° 08' 38"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 2	DC	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 24' 56"	107° 08' 39"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 3	DC	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 25' 11"	107° 08' 56"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 4	DC	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 25' 06"	107° 09' 28"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 5	DC	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 25' 05"	107° 10' 32"					C-48-47-A-b+d
Khu phố 6	DC	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 27' 34"	107° 10' 15"					C-48-47-A-b+d
đường 3 tháng 2	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 21' 00"	107° 05' 28"	C-48-47-A-c; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-a
đường 30 tháng 4	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-c
quốc lộ 51B	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 23' 03"	107° 06' 47"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
miếu Bà Cát Lờ	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 25' 02"	107° 08' 35"					C-48-47-A-b+d
sông Ba Cội	TV	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 28' 06"	107° 08' 27"	10° 28' 31"	107° 09' 44"	C-48-47-A-b+d
miếu Bà Phước Cơ	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 27' 40"	107° 10' 11"					C-48-47-A-b+d
rạch Cầu Cháy	TV	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 23' 25"	107° 08' 36"	10° 24' 31"	107° 10' 33"	C-48-47-A-b+d
tượng đài Liệt sĩ Cầu Cỏ May	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 27' 46"	107° 10' 07"					C-48-47-A-b+d
sông Cây Khế	TV	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 25' 46"	107° 11' 09"	10° 26' 12"	107° 08' 51"	C-48-47-A-b+d
cầu Cỏ May	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 27' 55"	107° 10' 02"					C-48-47-A-b+d
sông Cỏ May	TV	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 28' 31"	107° 09' 44"	C-48-47-A-b+d
rạch Cửa Lấp	TV	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 23' 49"	107° 10' 07"	C-48-47-A-b+d
Sông Dinh	TV	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-47-A-b+d
nhà thờ Hải Đăng	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 25' 18"	107° 10' 32"					C-48-47-A-b+d
chùa Hưng Thành	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 24' 56"	107° 08' 27"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Nam Bình	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 25' 16"	107° 08' 55"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Phước Thành	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu	10° 24' 52"	107° 08' 19"					C-48-47-A-b+d
đường Trường Sa	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 26' 23"	107° 09' 38"	10° 27' 15"	107° 05' 38"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	P. 12	TP. Vũng Tàu			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-47-A-b+d
Khu phố 1	DC	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 21' 47"	107° 05' 31"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 22' 02"	107° 05' 23"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 21' 58"	107° 05' 32"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 21' 50"	107° 05' 49"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 5	DC	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 22' 25"	107° 05' 55"					C-48-47-A-c
Khu phố 6	DC	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 22' 41"	107° 06' 24"					C-48-47-A-a
Khu phố 7	DC	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 21' 340"	107° 05' 40"					C-48-47-A-c
đường 3 tháng 2	KX	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 21' 00"	107° 05' 28"	C-48-47-A-c; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-a
đường Bình Giã	KX	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu			10° 24' 02"	107° 06' 53"	10° 21' 12"	107° 05' 11"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-c
đường Nguyễn An Ninh	KX	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu			10° 21' 18"	107° 06' 06"	10° 22' 17"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
khu giải trí Paradise	KX	P. Nguyễn An Ninh	TP. Vũng Tàu	10° 21' 35"	107° 06' 02"					C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 10"	107° 06' 58"					C-48-47-A-a
Khu phố 2	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 00"	107° 06' 39"					C-48-47-A-a
Khu phố 3	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 44"	107° 06' 18"					C-48-47-A-a
Khu phố 4	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 51"	107° 06' 30"					C-48-47-A-a
Khu phố 5	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 35"	107° 06' 27"					C-48-47-A-a
Khu phố 6	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 38"	107° 06' 38"					C-48-47-A-a
Khu phố 7	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 46"	107° 06' 44"					C-48-47-A-a
Khu phố 8	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 57"	107° 06' 47"					C-48-47-A-a
Khu phố 9	DC	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 04"	107° 07' 05"					C-48-47-A-a
đường 30 tháng 4	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-c
quốc lộ 51B	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu			10° 24' 48"	107° 09' 18"	10° 21' 12"	107° 05' 11"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
đường Bình Giã	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu			10° 24' 02"	107° 06' 53"	10° 21' 12"	107° 05' 11"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-c
Khu nhà ở Cán bộ công nhân viên Công ty May xuất khẩu Vũng Tàu	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 00"	107° 07' 00"					C-48-47-A-a
Sông Dinh	TV	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu			10° 45' 56"	107° 13' 59"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu công nghiệp Đông Xuyên	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 12"	107° 06' 28"					C-48-47-A-a
nhà thờ Đông Xuyên	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 08"	107° 07' 06"					C-48-47-A-a
nhà thờ Hải Xuân	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 56"	107° 06' 26"					C-48-47-A-a
nhà thờ Nam Đồng	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 30"	107° 06' 26"					C-48-47-A-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 49"	107° 06' 55"					C-48-47-A-a
cầu Rạch Bà	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 10"	107° 07' 13"					C-48-47-A-a
kênh Rạch Bà	TV	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu			10° 24' 10"	107° 07' 13"	10° 23' 19"	107° 06' 28"	C-48-47-A-a
hồ Rạch Bà	TV	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 24' 07"	107° 07' 13"					C-48-47-A-a
chợ Rạch Dừa	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 58"	107° 06' 51"					C-48-47-A-a
nhà thờ Thuỷ Giang	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 46"	107° 06' 13"					C-48-47-A-a
nhà thờ Trung Đồng	KX	P. Rạch Dừa	TP. Vũng Tàu	10° 23' 45"	107° 06' 36"					C-48-47-A-a
Khu phố 1	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 39"	107° 06' 02"					C-48-47-A-a
Khu phố 2	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 34"	107° 06' 17"					C-48-47-A-a
Khu phố 3	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 03"	107° 06' 35"					C-48-47-A-a
Khu phố 4	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 22' 43"	107° 06' 03"					C-48-47-A-a
Khu phố 5	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 06"	107° 06' 14"					C-48-47-A-a
Khu phố 6	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 29"	107° 05' 54"					C-48-47-A-a
Khu phố 7	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 08"	107° 06' 00"					C-48-47-A-a
Khu phố 8	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 01"	107° 05' 50"					C-48-47-A-a
Khu phố 9	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 22' 58"	107° 05' 57"					C-48-47-A-a
Khu phố 10	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 19"	107° 06' 28"					C-48-47-A-a
khu phố 11	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 22' 57"	107° 06' 16"					C-48-47-A-a
khu phố 12	DC	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 22"	107° 06' 09"					C-48-47-A-a
đường 30 tháng 4	KX	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d; C-48-47-
lữ đoàn 171	KX	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu	10° 23' 35"	107° 05' 52"					C-48-47-A-a
đường Bình Giã	KX	P. Thắng Nhất	TP. Vũng Tàu			10° 24' 02"	107° 06' 53"	10° 21' 12"	107° 05' 11"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 21' 39"	107° 04' 18"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 16"	107° 04' 24"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 3	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 16"	107° 04' 04"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 27"	107° 04' 15"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 23"	107° 04' 22"					C-48-47-A-c
Khu phố 6	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 19"	107° 04' 35"					C-48-47-A-c
Khu phố 7	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 21' 50"	107° 04' 38"					C-48-47-A-c
Khu phố 8	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 16"	107° 04' 51"					C-48-47-A-c
Khu phố 9	DC	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 32"	107° 04' 38"					C-48-47-A-c
đường 30 tháng 4	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d; C-48-47-A-c
chùa Bảo Tánh	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 21' 42"	107° 04' 21"					C-48-47-A-c
rạch Bến Đình	TV	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu			10° 22' 48"	107° 05' 09"	10° 22' 58"	107° 04' 07"	C-48-47-A-a
thiền viện Chơn Không	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 21' 32"	107° 04' 11"					C-48-47-A-c
khu du lịch Hồ Mây	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 21' 39"	107° 03' 53"					C-48-47-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu			10° 20' 47"	107° 04' 22"	10° 22' 26"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
Núi Lớn	SV	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 21' 41"	107° 04' 00"					C-48-47-A-c
chùa Nam Sơn Tự	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 08"	107° 04' 05"					C-48-47-A-c
Di tích Lịch sử Nhà Má Tám Nhung	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 17"	107° 04' 22"					C-48-47-A-c
chùa Phước Lâm	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu	10° 22' 20"	107° 04' 41"					C-48-47-A-c
đường Trần Phú	KX	P. Thắng Nhì	TP. Vũng Tàu			10° 20' 54"	107° 04' 16"	10° 22' 17"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
Khu phố 1	DC	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 20' 50"	107° 05' 25"					C-48-47-A-c
Khu phố 2	DC	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 20' 47"	107° 05' 06"					C-48-47-A-c
Khu phố 3	DC	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 20' 33"	107° 04' 53"					C-48-47-A-c
Khu phố 4	DC	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 20' 55"	107° 05' 03"					C-48-47-A-c
Khu phố 5	DC	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 21' 07"	107° 05' 12"					C-48-47-A-c
hồ Bàu Sen	TV	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 20' 45"	107° 05' 11"					C-48-47-A-c
đường Hoàng Hoa Thám	KX	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu			10° 20' 08"	107° 05' 18"	10° 20' 36"	107° 04' 30"	C-48-47-A-c
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu			10° 20' 49"	107° 05' 42"	10° 21' 47"	107° 04' 26"	C-48-47-A-c
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu			10° 20' 41"	107° 04' 52"	10° 21' 14"	107° 05' 09"	C-48-47-A-c
Bãi Sau	KX	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 20' 44"	107° 05' 52"					C-48-47-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đình Thắng Tam	KX	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu	10° 20' 29"	107° 04' 56"					C-48-47-A-c
đường Thuỷ Vân	KX	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu			10° 19' 49"	107° 05' 10"	10° 21' 18"	107° 06' 06"	C-48-47-A-c
đường Võ Thị Sáu	KX	P. Thắng Tam	TP. Vũng Tàu			10° 19' 53"	107° 04' 58"	10° 20' 57"	107° 05' 24"	C-48-47-A-c
Thôn 1	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 48"	107° 04' 54"					C-48-47-A-a
Thôn 2	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 24"	107° 03' 38"					C-48-47-A-a
Thôn 4	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 00"	107° 05' 35"					C-48-47-A-a
Thôn 5	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 24"	107° 05' 49"					C-48-47-A-a
Thôn 6	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 29"	107° 05' 54"					C-48-47-A-a
Thôn 7	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 37"	107° 05' 38"					C-48-47-A-a
Thôn 8	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 21"	107° 06' 31"					C-48-47-A-a
Thôn 9	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 26' 24"	107° 07' 53"					C-48-47-A-a
Thôn 10	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 56"	107° 05' 32"					C-48-47-A-a
đồi 84	SV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 02"	107° 03' 52"					C-48-47-A-a
đồn biên phòng 530	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 26' 15"	107° 07' 11"					C-48-47-A-a
sông Ân Thệt	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 06"	107° 08' 27"	10° 25' 25"	107° 06' 05"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
sông Ba Cội	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 06"	107° 08' 27"	10° 28' 31"	107° 09' 44"	C-48-47-A-b+d
vàm Bà Lộc	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 26' 51"	107° 08' 23"	10° 26' 45"	107° 08' 55"	C-48-47-A-b+d
cầu Ba Nanh	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 52"	107° 05' 28"					C-48-47-A-a
chùa Ba Ông	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 04"	107° 03' 13"					C-48-47-A-a
ngọn Bãi Bùn	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 27' 57"	107° 04' 48"	10° 28' 23"	107° 05' 12"	C-48-47-A-a
sông Bãi Bùn	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 19"	107° 05' 20"	10° 28' 52"	107° 05' 03"	C-48-47-A-a
miếu Bến Đá	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 30"	107° 03' 35"					C-48-47-A-a
thôn Bến Điệp	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 26' 48"	107° 04' 29"					C-48-47-A-a
sông Bến Điệp	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 42' 21"	107° 09' 44"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-47-A-a
rạch Bến Gỗ	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 26' 35"	107° 05' 01"	10° 26' 08"	107° 05' 30"	C-48-47-A-a
rạch Bến Kinh	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 27' 22"	107° 05' 46"	10° 27' 45"	107° 06' 01"	C-48-47-A-a
sông Bộ Hành	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 29' 00"	107° 05' 15"	10° 28' 42"	107° 06' 39"	C-48-47-A-a
sông Bò Hóc	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 18"	107° 05' 21"	10° 28' 20"	107° 05' 58"	C-48-47-A-a
bến Cồn Bân	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 38"	107° 06' 00"					C-48-47-A-a
rạch Cồn Bân	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 27' 45"	107° 06' 01"	10° 28' 20"	107° 05' 58"	C-48-47-A-a
Bến Đá	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 38"	107° 03' 29"					C-48-47-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Dinh	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
rạch Gò Găng	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 26' 10"	107° 07' 57"	10° 25' 27"	107° 06' 55"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
rạch Hàm Sầu	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 27' 10"	107° 05' 43"	10° 26' 39"	107° 05' 38"	C-48-47-A-a
đường Hoàng Sa	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 30' 03"	107° 05' 55"	10° 27' 56"	107° 05' 21"	C-48-47-A-a
chùa Hưng Long Tự	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 56"	107° 04' 34"					C-48-47-A-a
Bến Kinh	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 38"	107° 06' 08"					C-48-47-A-a
chùa Long Sơn Tự	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 25"	107° 04' 25"					C-48-47-A-a
đồn biên phòng Long Sơn	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 30"	107° 03' 23"					C-48-47-A-a
hồ Mang Cá	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 48"	107° 04' 37"					C-48-47-A-a
rạch Mũi Giùi	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 27' 08"	107° 08' 01"	10° 27' 29"	107° 07' 30"	C-48-47-A-b+d
sông Mũi Giùi	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 42"	107° 06' 39"	10° 28' 06"	107° 08' 27"	C-48-47-A-b
Núi Nứa	SV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 21"	107° 05' 19"					C-48-47-A-a
vàm Ông Bền	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 23"	107° 02' 35"	10° 28' 00"	107° 01' 55"	C-48-47-A-a
sông Ông Bông	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 23"	107° 05' 28"	10° 28' 20"	107° 05' 58"	C-48-47-A-a
lăng Ông Nam Hải	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 26' 49"	107° 04' 26"					C-48-47-A-a
chùa Quang Đội	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 28' 24"	107° 03' 59"					C-48-47-A-a
miếu Quang Đội	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 26' 16"	107° 08' 05"					C-48-47-A-b+d
thôn Rạch Già	DC	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 14"	107° 04' 40"					C-48-47-A-a
Sông Rạng	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 29' 00"	107° 05' 15"	10° 28' 23"	107° 02' 35"	C-48-47-A-a
Rạch Sầu	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 25' 31"	107° 08' 05"	10° 25' 08"	107° 08' 25"	C-48-47-A-b+d
rạch Tắc Đôi	TV	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 28' 15"	107° 04' 34"	10° 28' 52"	107° 04' 47"	C-48-47-A-a
đường Trường Sa	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu			10° 26' 23"	107° 09' 38"	10° 27' 15"	107° 05' 38"	C-48-47-A-a; C-48-47-A-b+d
đình thần xã Long Sơn	KX	xã Long Sơn	TP. Vũng Tàu	10° 27' 41"	107° 04' 27"					C-48-47-A-a
Khu phố 1	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 57"	107° 14' 42"					C-48-35-C-b
Khu phố 2	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 02"	107° 14' 35"					C-48-35-C-b
Khu phố 3	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 15"	107° 14' 25"					C-48-35-C-b
Khu phố 4	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 51"	107° 14' 26"					C-48-35-C-b
Khu phố 5	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 36"	107° 14' 26"					C-48-35-C-b
Khu phố 6	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 45"	107° 14' 52"					C-48-35-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 7	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 31"	107° 14' 35"					C-48-35-C-b
quốc lộ 56	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-b
Miếu Bà	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 32' 51"	107° 14' 43"					C-48-35-C-b
chùa Bửu Quang	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 37"	107° 15' 12"					C-48-35-D-a
tượng đài Chiến thắng Bình Giã	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 21"	107° 14' 46"					C-48-35-C-b
suối Đá Bàng	TV	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức			10° 40' 04"	107° 15' 22"	10° 30' 37"	107° 14' 09"	C-48-35-D-a; C-48-35-C-b
suối Đưa Em	TV	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức			10° 39' 48"	107° 13' 05"	10° 38' 33"	107° 12' 46"	C-48-35-C-b
ấp Hoàng Giao	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 26"	107° 14' 00"					C-48-35-C-b
đền thờ Liệt sĩ huyện Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 23"	107° 14' 45"					C-48-35-C-b
Trung tâm Thương mại huyện Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 57"	107° 14' 17"					C-48-35-C-b
Trung tâm Văn hoá Thể thao huyện Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 35"	107° 14' 12"					C-48-35-C-b
Trung tâm Hành chính chính trị huyện Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 27"	107° 14' 24"					C-48-35-C-b
Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 07"	107° 14' 28"					C-48-35-C-b
bưu điện huyện Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 02"	107° 14' 23"					C-48-35-C-b
Trung tâm Y tế huyện Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 59"	107° 14' 21"					C-48-35-C-b
ấp Kim Giao	DC	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 38' 53"	107° 13' 19"					C-48-35-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức			10° 39' 53"	107° 10' 04"	10° 38' 30"	107° 21' 52"	C-48-35-C-b
Suối Lúp	TV	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức			10° 41' 56"	107° 14' 27"	10° 37' 40"	107° 10' 51"	C-48-35-C-b
Hội thánh Tin lành Miền Nam-Châu Đức	KX	TT. Ngãi Giao	H. Châu Đức	10° 39' 04"	107° 14' 42"					C-48-35-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cụm công nghiệp Ngải Giao	KX	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 15"	107° 13' 00"					C-48-35-C-b
giáo xứ Ngải Giao	KX	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 38' 41"	107° 14' 34"					C-48-35-C-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du	KX	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 38' 45"	107° 14' 17"					C-48-35-C-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	KX	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 05"	107° 14' 29"					C-48-35-C-b
Núi Nhan	SV	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 38"	107° 12' 59"					C-48-35-C-b
hồ Núi Nhan	TV	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 29"	107° 12' 52"					C-48-35-C-b
ấp Phú Giao 1	DC	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 30"	107° 14' 50"					C-48-35-C-b
ấp Phú Giao 2	DC	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 37"	107° 14' 39"					C-48-35-C-b
cầu Suối Lúp	KX	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 12"	107° 14' 03"					C-48-35-C-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức			10° 39' 36"	107° 14' 32"	10° 38' 58"	107° 14' 23"	C-48-35-C-b
chùa Từ Quang	KX	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 38' 15"	107° 14' 22"					C-48-35-C-b
ấp Vinh Thanh	DC	TT. Ngải Giao	H. Châu Đức	10° 39' 02"	107° 14' 56"					C-48-35-C-b
quốc lộ 56	KX	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-b
Suối Chích	TV	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức			10° 41' 02"	107° 13' 09"	10° 38' 19"	107° 09' 42"	C-48-35-C-b
Nhà văn hoá dân tộc Bàu Chinh	KX	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 41' 02"	107° 15' 03"					C-48-35-D-a
núi Gà Bươi	SV	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 40' 47"	107° 13' 01"					C-48-35-C-b
chùa Như Ý	KX	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 40' 42"	107° 15' 51"					C-48-35-D-a
thôn Tân Bình	DC	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 41' 07"	107° 11' 42"					C-48-35-C-b
thôn Tân Châu	DC	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 40' 30"	107° 15' 31"					C-48-35-C-b
thôn Tân Hiệp	DC	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 41' 05"	107° 13' 53"					C-48-35-C-b
thôn Tân Hoà	DC	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 41' 31"	107° 15' 34"					C-48-35-C-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 40' 54"	107° 12' 29"					C-48-35-C-b
thôn Tân Phú	DC	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 40' 19"	107° 14' 44"					C-48-35-C-b
thôn Tân Xuân	DC	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 40' 52"	107° 15' 12"					C-48-35-C-b
Trường Dân tộc nội trú tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	xã Bàu Chinh	H. Châu Đức	10° 40' 50"	107° 14' 51"					C-48-35-D-a
quốc lộ 56	KX	xã Bình Ba	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-b; C-48-35-C-d
giáo xứ Bình Ba	KX	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 37' 07"	107° 14' 00"					C-48-35-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Bình Đức	DC	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 36' 56"	107° 13' 58"					C-48-35-C-d
ấp Bình Mỹ	DC	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 36' 40"	107° 13' 37"					C-48-35-C-d
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su Bà Rịa	KX	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 37' 00"	107° 14' 11"					C-48-35-C-d
Suối Com	TV	xã Bình Ba	H. Châu Đức			10° 39' 19"	107° 11' 13"	10° 37' 54"	107° 10' 37"	C-48-35-C-b
suối Đá Bàng	TV	xã Bình Ba	H. Châu Đức			10° 40' 04"	107° 15' 22"	10° 30' 37"	107° 14' 09"	C-48-35-D-a
hồ Đá Đen	TV	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 37' 31"	107° 10' 02"					C-48-35-C-b
ấp Đức Trung	DC	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 37' 22"	107° 14' 01"					C-48-35-C-d
đường Hội Bài-Đá Bạc-Phước Tân	KX	xã Bình Ba	H. Châu Đức			10° 35' 57"	107° 10' 02"	10° 33' 28"	107° 18' 38"	C-48-35-D-c
Suối Lúp	TV	xã Bình Ba	H. Châu Đức			10° 41' 56"	107° 14' 27"	10° 37' 40"	107° 10' 51"	C-48-35-C-b
Suối Nhac	TV	xã Bình Ba	H. Châu Đức			10° 39' 08"	107° 12' 04"	10° 37' 51"	107° 10' 51"	C-48-35-C-b
chùa Phổ Quang	KX	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 36' 59"	107° 14' 07"					C-48-35-C-d
Suối Sơn	TV	xã Bình Ba	H. Châu Đức			10° 36' 29"	107° 13' 52"	10° 34' 56"	107° 10' 07"	C-48-35-C-d
ấp Suối Lúp	DC	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 37' 57"	107° 11' 37"					C-48-35-C-b
bệnh viện Tâm thần tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 35' 10"	107° 14' 50"					C-48-35-D-c
đền thờ Liệt sĩ Trung đoàn E33	KX	xã Bình Ba	H. Châu Đức	10° 37' 00"	107° 13' 55"					C-48-35-C-d
suối Đá Bàng	TV	xã Bình Giã	H. Châu Đức			10° 40' 04"	107° 15' 22"	10° 30' 37"	107° 14' 09"	C-48-35-D-a
ấp Đông Linh	DC	xã Bình Giã	H. Châu Đức	10° 39' 07"	107° 15' 57"					C-48-35-D-a
đồi Gia Hoà	SV	xã Bình Giã	H. Châu Đức	10° 38' 41"	107° 16' 05"					C-48-35-D-a
ấp Gia Hoà Yên	DC	xã Bình Giã	H. Châu Đức	10° 38' 50"	107° 16' 05"					C-48-35-D-a
ấp Kim Bình	DC	xã Bình Giã	H. Châu Đức	10° 41' 24"	107° 16' 13"					C-48-35-D-a
suối Lò Ô	TV	xã Bình Giã	H. Châu Đức			10° 38' 15"	107° 15' 17"	10° 32' 41"	107° 20' 49"	C-48-35-D-a
ấp Lộc Hoà	DC	xã Bình Giã	H. Châu Đức	10° 39' 17"	107° 15' 45"					C-48-35-D-a
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hoà Bình	KX	xã Bình Giã	H. Châu Đức			10° 39' 53"	107° 10' 04"	10° 38' 30"	107° 21' 52"	C-48-35-C-b; C-48-35-D-a
ấp Nghi Lộc	DC	xã Bình Giã	H. Châu Đức	10° 39' 04"	107° 16' 16"					C-48-35-D-a
suối Tầm Bó	TV	xã Bình Giã	H. Châu Đức			10° 45' 25"	107° 15' 15"	10° 40' 46"	107° 21' 01"	C-48-35-B-c; C-48-35-D-a
ấp Vĩnh An	DC	xã Bình Giã	H. Châu Đức	10° 38' 58"	107° 15' 45"					C-48-35-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Vĩnh Bình	DC	xã Bình Giả	H. Châu Đức	10° 38' 38"	107° 15' 04"					C-48-35-D-a
giáo xứ Vĩnh Châu	KX	xã Bình Giả	H. Châu Đức	10° 39' 03"	107° 16' 12"					C-48-35-D-a
giáo xứ Vĩnh Hà	KX	xã Bình Giả	H. Châu Đức	10° 38' 59"	107° 15' 42"					C-48-35-D-a
Thôn 1	DC	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 50"	107° 16' 30"					C-48-35-D-a
Thôn 2	DC	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 40"	107° 16' 33"					C-48-35-D-a
Thôn 3	DC	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 45"	107° 16' 57"					C-48-35-D-a
Thôn 4	DC	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 45"	107° 17' 09"					C-48-35-D-a
Thôn 5	DC	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 53"	107° 17' 04"					C-48-35-D-a
Thôn 6	DC	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 57"	107° 16' 38"					C-48-35-D-a
đường tỉnh 765	KX	xã Bình Trung	H. Châu Đức			10° 32' 28"	107° 16' 03"	10° 40' 36"	107° 18' 30"	C-48-35-D-a
bia tường niệm Chiến thắng Bình Giả	KX	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 47"	107° 17' 14"					C-48-35-D-a
Suối Đá	TV	xã Bình Trung	H. Châu Đức			10° 37' 32"	107° 16' 32"	10° 36' 26"	107° 16' 11"	C-48-35-D-c; C-48-35-D-a
suối Đá Bàng	TV	xã Bình Trung	H. Châu Đức			10° 40' 04"	107° 15' 22"	10° 30' 37"	107° 14' 09"	C-48-35-D-c; C-48-35-D-a
núi Giao Ninh	SV	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 37' 10"	107° 17' 26"					C-48-35-D-c
suối Lò Ô 2	TV	xã Bình Trung	H. Châu Đức			10° 37' 10"	107° 17' 03"	10° 33' 49"	107° 18' 18"	C-48-35-D-c
Hồ Mên	TV	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 37' 26"	107° 16' 46"					C-48-35-D-c; C-48-35-D-a
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hoà Bình	KX	xã Bình Trung	H. Châu Đức			10° 39' 53"	107° 10' 04"	10° 38' 30"	107° 21' 52"	C-48-35-C-b; C-48-35-D-a
suối Tầm Bó	TV	xã Bình Trung	H. Châu Đức			10° 45' 25"	107° 15' 15"	10° 40' 46"	107° 21' 01"	C-48-35-B-c; C-48-35-D-a
giáo xứ Vĩnh Trung	KX	xã Bình Trung	H. Châu Đức	10° 38' 48"	107° 10' 53"					C-48-35-D-a
Suối Cà	TV	xã Cù Bị	H. Châu Đức			10° 46' 44"	107° 12' 08"	10° 44' 42"	107° 09' 08"	C-48-35-A-d; C-48-35-C-b
thôn Chòi Đồng	DC	xã Cù Bị	H. Châu Đức	10° 43' 20"	107° 09' 02"					C-48-35-C-b
đường xã Cù Bị	KX	xã Cù Bị	H. Châu Đức			10° 44' 01"	107° 08' 14"	10° 45' 38"	107° 14' 33"	C-48-35-C-b
nông trường Cù Bị	KX	xã Cù Bị	H. Châu Đức	10° 45' 25"	107° 12' 21"					C-48-35-A-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Cù Bị	H. Châu Đức	10° 44' 16"	107° 11' 08"					C-48-35-C-b
thôn Đồng Tiến	DC	xã Cù Bị	H. Châu Đức	10° 43' 57"	107° 10' 52"					C-48-35-C-b
suối Gia Hóp	TV	xã Cù Bị	H. Châu Đức			10° 44' 55"	107° 14' 19"	10° 42' 23"	107° 10' 52"	C-48-35-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đôi Giác Ma	SV	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 43' 43"	107° 12' 02"					C-48-35-C-b
thôn Hiệp Cường	DC	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 44' 32"	107° 11' 58"					C-48-35-C-b
Suối Le	TV	xã Cù Bì	H. Châu Đức			10° 43' 28"	107° 08' 21"	10° 43' 16"	107° 08' 15"	C-48-35-C-b
giáo xứ Mai Khôi	KX	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 44' 45"	107° 12' 28"					C-48-35-C-b
thôn Phước Chí	DC	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 43' 27"	107° 09' 23"					C-48-35-C-b
thôn Phước Cường	DC	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 42' 45"	107° 09' 52"					C-48-35-C-b
chùa Phước Duyên	KX	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 44' 30"	107° 12' 04"					C-48-35-C-b
cụm kho Quốc Phòng	KX	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 44' 00"	107° 08' 54"					C-48-35-C-b
Suối Sóc	TV	xã Cù Bì	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 12' 23"	10° 44' 42"	107° 09' 08"	C-48-35-A-d; C-48-35-C-b
suối Sông Xoài	TV	xã Cù Bì	H. Châu Đức			10° 43' 21"	107° 09' 44"	10° 41' 10"	107° 09' 49"	C-48-35-C-b
sông Trà Răng	TV	xã Cù Bì	H. Châu Đức			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-A-d; C-48-35-C-b
thôn Việt Cường	DC	xã Cù Bì	H. Châu Đức	10° 44' 40"	107° 12' 24"					C-48-35-C-b
Đường xã 2	KX	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
đường tỉnh 52	KX	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-35-C-d
quốc lộ 56	KX	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
đường tỉnh 765	KX	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 32' 28"	107° 16' 03"	10° 40' 36"	107° 18' 30"	C-48-35-D-c
thôn Bàu Diên	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 35' 39"	107° 16' 52"					C-48-35-D-c
thôn Bình Sơn	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 35' 51"	107° 15' 39"					C-48-35-D-c
cụm công nghiệp Đá Bạc 1-Châu Đức	KX	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 34' 55"	107° 16' 48"					C-48-35-D-c
hồ Đá Bàng	TV	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 33' 35"	107° 15' 03"					C-48-35-C-d; C-48-35-D-c
suối Đá Bàng	TV	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 40' 04"	107° 15' 22"	10° 30' 37"	107° 14' 09"	C-48-35-C-d
Suối Giàu	TV	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 37' 29"	107° 18' 52"	10° 34' 07"	107° 20' 45"	C-48-35-D-c
đường Hội Bài-Đá Bạc-Phước Tân	KX	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 35' 57"	107° 10' 02"	10° 33' 28"	107° 18' 38"	C-48-35-D-c
thôn Lò Ô	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 37' 36"	107° 15' 15"					C-48-35-D-a
suối Lò Ô	TV	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 38' 15"	107° 15' 17"	10° 32' 41"	107° 20' 49"	C-48-35-D-a
suối Lò Ô 2	TV	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 37' 10"	107° 17' 03"	10° 33' 49"	107° 18' 18"	C-48-35-D-c
Suối Mầu	TV	xã Đá Bạc	H. Châu Đức			10° 34' 41"	107° 16' 26"	10° 34' 04"	107° 17' 25"	C-48-35-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	KX	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 35' 03"	107° 13' 42"					C-48-35-D-c
thôn Nhân Hoà	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 36' 52"	107° 15' 05"					C-48-35-D-c
thôn Phú Sơn	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 35' 42"	107° 16' 21"					C-48-35-D-c
thôn Phước An	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 35' 10"	107° 15' 19"					C-48-35-D-c
thôn Phước Trung	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 33' 58"	107° 14' 35"					C-48-35-C-d
thôn Quảng Phú	DC	xã Đá Bạc	H. Châu Đức	10° 34' 06"	107° 14' 17"					C-48-35-D-c
quốc lộ 56	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-b
nông trường cao su Châu Thành	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 03"	107° 13' 38"					C-48-35-C-b
Suối Đá	TV	xã Kim Long	H. Châu Đức			10° 43' 48"	107° 13' 50"	10° 40' 03"	107° 09' 54"	C-48-35-C-b
núi Gà Bươi	SV	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 29"	107° 15' 14"					C-48-35-D-a
thôn Hiệp Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 48"	107° 13' 24"					C-48-35-C-b
thôn Hoa Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 17"	107° 12' 23"					C-48-35-C-b
thôn Hoàng Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 12"	107° 14' 56"					C-48-35-C-b
thôn Hưng Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 09"	107° 14' 23"					C-48-35-C-b
Trung tâm Thương mại Kim Long	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 18"	107° 14' 35"					C-48-35-C-b
giáo xứ Kim Long	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 29"	107° 14' 42"					C-48-35-C-b
chùa Kim Long	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 50"	107° 14' 28"					C-48-35-C-b
địa đạo Kim Long	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 43' 15"	107° 13' 44"					C-48-35-C-b
hồ Kim Long	TV	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 55"	107° 12' 20"					C-48-35-C-b
thôn Lạc Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 42"	107° 14' 23"					C-48-35-C-b
Suối Lúp	TV	xã Kim Long	H. Châu Đức			10° 41' 56"	107° 14' 27"	10° 37' 40"	107° 10' 51"	C-48-35-C-b
thôn Quảng Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 38"	107° 13' 46"					C-48-35-C-b
suối Tầm Bó	TV	xã Kim Long	H. Châu Đức			10° 45' 25"	107° 15' 15"	10° 40' 46"	107° 21' 01"	C-48-35-B-c; C-48-35-D-a
hồ Tầm Bó	TV	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 00"	107° 15' 53"					C-48-35-D-a
thôn Tam Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 43' 24"	107° 13' 35"					C-48-35-C-b
thôn Tân Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 30"	107° 11' 51"					C-48-35-C-b
thôn Thạch Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 56"	107° 14' 56"					C-48-35-C-b
thôn Thành Long	DC	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 41' 42"	107° 14' 43"					C-48-35-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Trần Phú	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 43' 27"	107° 14' 10"					C-48-35-C-b
bia tường niệm Trung đoàn 4	KX	xã Kim Long	H. Châu Đức	10° 42' 47"	107° 14' 26"					C-48-35-C-b
Sông Ca	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 39' 20"	107° 09' 56"	10° 38' 11"	107° 09' 36"	C-48-35-C-b
Suối Chích	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 41' 02"	107° 13' 09"	10° 38' 19"	107° 09' 42"	C-48-35-C-b
Suối Cơm	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 39' 19"	107° 11' 13"	10° 37' 54"	107° 10' 37"	C-48-35-C-b
Suối Đá	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 43' 48"	107° 13' 50"	10° 40' 03"	107° 09' 54"	C-48-35-C-b
hồ Đá Đen	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 37' 31"	107° 10' 02"					C-48-35-C-b
suối Đưa Em	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 39' 48"	107° 13' 05"	10° 38' 33"	107° 12' 46"	C-48-35-C-b
chùa Long Hoa	KX	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 40' 28"	107° 10' 26"					C-48-35-C-b
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hoà Bình	KX	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 39' 53"	107° 10' 04"	10° 38' 30"	107° 21' 52"	C-48-35-C-b; C-48-35-D-a
giáo họ Phước Ân	KX	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 40' 03"	107° 10' 05"					C-48-35-C-b
cầu Sông Xoài	KX	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 39' 20"	107° 09' 56"					C-48-35-C-b
thôn Sông Xoài 1	DC	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 40' 34"	107° 09' 47"					C-48-35-C-b
thôn Sông Xoài 2	DC	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 40' 56"	107° 11' 11"					C-48-35-C-b
thôn Sông Xoài 3	DC	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 39' 45"	107° 10' 07"					C-48-35-C-b
thôn Sông Xoài 4	DC	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 39' 00"	107° 10' 28"					C-48-35-C-b
thôn Sông Xoài 5	DC	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 39' 55"	107° 10' 47"					C-48-35-C-b
cầu Suối Đá	KX	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 40' 21"	107° 10' 04"					C-48-35-C-b
thôn Tân Giao	DC	xã Láng Lớn	H. Châu Đức	10° 39' 44"	107° 11' 42"					C-48-35-C-b
suối Trà Răng	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-b
Sông Xoài	TV	xã Láng Lớn	H. Châu Đức			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-b
Đường xã 2	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
quốc lộ 56	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
chùa Bửu Sơn Kỳ Hương	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 54"	107° 11' 47"					C-48-35-C-d
kênh Cáp Một	TV	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 34' 44"	107° 10' 08"	10° 33' 38"	107° 10' 50"	C-48-35-C-d
khu công nghiệp-đô thị Châu Đức	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 10"	107° 11' 18"					C-48-35-C-d
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d
suối Đá Nhệ	TV	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 34' 56"	107° 10' 07"	10° 34' 44"	107° 10' 08"	C-48-35-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
giáo xứ Hữu Phước	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 35' 05"	107° 12' 10"					C-48-35-C-d
Suối Lùng	TV	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 34' 01"	107° 10' 33"	10° 32' 38"	107° 10' 51"	C-48-35-C-d
chợ Nghĩa Thành	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 45"	107° 12' 21"					C-48-35-C-d
thôn Quảng Tây	DC	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 56"	107° 11' 50"					C-48-35-C-d
thôn Quảng Thành 1	DC	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 47"	107° 12' 45"					C-48-35-C-d
thôn Quảng Thành 2	DC	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 33"	107° 13' 05"					C-48-35-C-d
Suối Sơn	TV	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 36' 29"	107° 13' 52"	10° 34' 56"	107° 10' 07"	C-48-35-C-d
thôn Sông Cầu	DC	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 33' 39"	107° 12' 37"					C-48-35-C-d
cầu Sông Cầu	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 33' 18"	107° 12' 21"					C-48-35-C-d
suối Sông Cầu	TV	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức			10° 33' 07"	107° 11' 41"	10° 32' 34"	107° 10' 58"	C-48-35-C-d
chùa Tịnh Quang	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 35"	107° 13' 05"					C-48-35-C-d
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 32"	107° 12' 03"					C-48-35-C-d
thánh thất Trung Nghĩa	KX	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 34' 54"	107° 12' 22"					C-48-35-C-d
thôn Vinh Sơn	DC	xã Nghĩa Thành	H. Châu Đức	10° 35' 01"	107° 12' 30"					C-48-35-C-d
đường tỉnh 765	KX	xã Quảng Thành	H. Châu Đức			10° 32' 28"	107° 16' 03"	10° 40' 36"	107° 18' 30"	C-48-35-D-a
ấp Công Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 58"	107° 16' 34"					C-48-35-D-a
núi Đất Đỏ	SV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 40' 40"	107° 17' 36"					C-48-35-D-a
ấp Đạt Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 43"	107° 16' 18"					C-48-35-D-a
Suối Đồi	TV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức			10° 43' 47"	107° 17' 38"	10° 43' 47"	107° 18' 02"	C-48-35-D-a
suối Gia Hoét	TV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức			10° 41' 22"	107° 17' 46"	10° 40' 16"	107° 19' 13"	C-48-35-D-a
hồ Gia Hoét	TV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 42' 13"	107° 17' 12"					C-48-35-D-a
ấp Hậu Cần	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 42' 49"	107° 15' 37"					C-48-35-D-a
núi Hậu Cần	SV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 42' 04"	107° 15' 43"					C-48-35-D-a
ấp Hiệp Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 43' 02"	107° 17' 45"					C-48-35-D-a
nghĩa trang huyện Châu Đức	KX	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 30"	107° 16' 41"					C-48-35-D-a
Núi Le	SV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 43' 56"	107° 17' 05"					C-48-35-D-a
ấp Nhân Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 40' 06"	107° 17' 19"					C-48-35-D-a
chùa Quảng Thành	KX	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 54"	107° 16' 15"					C-48-35-D-a
giáo xứ Quảng Thành	KX	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 54"	107° 16' 32"					C-48-35-D-a
hồ Suối Sao	TV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 42' 53"	107° 18' 09"					C-48-35-D-a
cầu Tầm Bó	KX	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 55"	107° 16' 13"					C-48-35-D-a
hồ Tầm Bó	TV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 42' 00"	107° 15' 53"					C-48-35-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Tầm Bó	TV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức			10° 45' 25"	107° 15' 15"	10° 40' 46"	107° 21' 01"	C-48-35-B-c; C-48-35-D-a
ấp Tân Bang	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 44' 08"	107° 16' 49"					C-48-35-D-a
ấp Tân Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 42' 13"	107° 17' 42"					C-48-35-D-a
Suối Thê	TV	xã Quảng Thành	H. Châu Đức			10° 44' 23"	107° 16' 43"	10° 44' 49"	107° 18' 05"	C-48-35-D-a
ấp Tiên Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 51"	107° 16' 43"					C-48-35-D-a
ấp Trung Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 41' 49"	107° 17' 29"					C-48-35-D-a
nhà máy Chế biến Mủ cao su Xà Bang	KX	xã Quảng Thành	H. Châu Đức	10° 43' 07"	107° 14' 58"					C-48-35-C-b
thác Hoà Bình *	TV	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 02"	107° 21' 20"					C-48-36-D-a
chùa Khánh Tân	KX	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 43"	107° 21' 09"					C-48-35-D-a
Suối Khi	TV	xã Sơn Bình	H. Châu Đức			10° 37' 37"	107° 20' 35"	10° 36' 46"	107° 21' 02"	C-48-35-D-c; C-48-35-D-a
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hoà Bình	KX	xã Sơn Bình	H. Châu Đức			10° 39' 53"	107° 10' 04"	10° 38' 30"	107° 21' 52"	C-48-35-C-b; C-48-35-D-a
Sông Ray	TV	xã Sơn Bình	H. Châu Đức			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-35-D-a
giáo xứ Sơn Bình	KX	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 40"	107° 20' 05"					C-48-35-D-a
chợ Sơn Bình	KX	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 52"	107° 19' 40"					C-48-35-D-a
ấp Sơn Lập	DC	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 38"	107° 19' 57"					C-48-35-D-a
ấp Sơn Tân	DC	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 39' 09"	107° 19' 59"					C-48-35-D-a
ấp Sơn Thành	DC	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 52"	107° 20' 14"					C-48-35-D-a
cầu Sông Ray	KX	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 30"	107° 21' 52"					C-48-35-D-a
hồ Sông Ray	TV	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 39' 49"	107° 21' 20"					C-48-35-D-a
thác Sông Ray	TV	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 05"	107° 21' 17"					C-48-35-D-a
suối Tầm Bó	TV	xã Sơn Bình	H. Châu Đức			10° 45' 25"	107° 15' 15"	10° 40' 46"	107° 21' 01"	C-48-35-D-a
ấp Tân Bình	DC	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 53"	107° 21' 08"					C-48-35-D-a
ấp Tân Lập	DC	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 33"	107° 20' 18"					C-48-35-D-a
ấp Xuân Hoà	DC	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 39' 17"	107° 19' 52"					C-48-35-D-a
ấp Xuân Trường	DC	xã Sơn Bình	H. Châu Đức	10° 38' 14"	107° 19' 48"					C-48-35-D-a
quốc lộ 56	KX	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-d
khu công nghiệp-đô thị Châu Đức	KX	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 36' 38"	107° 10' 03"					C-48-35-C-d
hồ Đá Đen	TV	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 37' 31"	107° 10' 02"					C-48-35-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Đức Mỹ	DC	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 35' 30"	107° 13' 17"					C-48-35-C-d
giáo xứ Đức Mỹ	KX	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 35' 26"	107° 13' 38"					C-48-35-C-d
thôn Gio An	DC	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 35' 28"	107° 12' 19"					C-48-35-C-d
đường Hội Bài-Đá Bạc-Phước Tân	KX	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức			10° 35' 57"	107° 10' 02"	10° 33' 28"	107° 18' 38"	C-48-35-D-c
thôn Hữu Phước	DC	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 35' 23"	107° 11' 49"					C-48-35-C-d
Suối Lúp	TV	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức			10° 41' 56"	107° 14' 27"	10° 37' 40"	107° 10' 51"	C-48-35-C-b
Núi Nghé	SV	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 36' 03"	107° 11' 06"					C-48-35-C-d
giáo xứ Quảng Nghệ	KX	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 35' 30"	107° 10' 03"					C-48-35-C-d
Suối Sơn	TV	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức			10° 36' 29"	107° 13' 52"	10° 34' 56"	107° 10' 07"	C-48-35-C-d
thôn Suối Nghệ	DC	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 35' 46"	107° 12' 54"					C-48-35-C-d
thôn Trung Sơn	DC	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức	10° 35' 40"	107° 12' 31"					C-48-35-C-d
Sông Xoài	TV	xã Suối Nghệ	H. Châu Đức			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d
Thôn 1	DC	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 34' 57"	107° 18' 52"					C-48-35-D-c
Thôn 2	DC	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 35' 46"	107° 19' 48"					C-48-35-D-c
Thôn 3	DC	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 35' 37"	107° 20' 16"					C-48-35-D-c
Thôn 4	DC	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 35' 02"	107° 19' 43"					C-48-35-D-c
nhà thờ Biệt Lập Suối Rao	KX	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 35' 14"	107° 19' 36"					C-48-35-D-c
chùa Chánh Giác	KX	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 34' 32"	107° 20' 25"					C-48-35-D-c
Suối Giàu	TV	xã Suối Rao	H. Châu Đức			10° 37' 29"	107° 18' 52"	10° 34' 07"	107° 20' 45"	C-48-35-D-c
đường Hội Bài-Đá Bạc-Phước Tân	KX	xã Suối Rao	H. Châu Đức			10° 35' 57"	107° 10' 02"	10° 33' 28"	107° 18' 38"	C-48-35-D-c
suối Lò Ô	TV	xã Suối Rao	H. Châu Đức			10° 38' 15"	107° 15' 17"	10° 33' 13"	107° 20' 46"	C-48-35-D-c
suối Lò Ô 2	TV	xã Suối Rao	H. Châu Đức			10° 37' 10"	107° 17' 03"	10° 33' 49"	107° 18' 18"	C-48-35-D-c
Sông Ray	TV	xã Suối Rao	H. Châu Đức			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-35-D-c
Núi Sọ	SV	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 35' 38"	107° 17' 57"					C-48-35-D-c
hồ Suối Giàu	TV	xã Suối Rao	H. Châu Đức	10° 35' 35"	107° 19' 08"					C-48-35-D-c
suối Tà Lùng	TV	xã Suối Rao	H. Châu Đức			10° 37' 42"	107° 19' 00"	10° 34' 19"	107° 20' 48"	C-48-35-D-c
quốc lộ 56	KX	xã Xà Bang	H. Châu Đức			10° 45' 38"	107° 14' 33"	10° 30' 06"	107° 10' 19"	C-48-35-C-b; C-48-35-A-d
ấp Bàu Sen	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 44' 20"	107° 15' 36"					C-48-35-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rừng lịch sử Bàu Sen	KX	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 44' 02"	107° 15' 19"					C-48-35-D-a
ấp Bông Sen	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 18"	107° 15' 37"					C-48-35-C-b
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su Bà Rịa	KX	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 45' 11"	107° 15' 06"					C-48-35-B-c
Suối Đá	TV	xã Xà Bang	H. Châu Đức			10° 43' 48"	107° 13' 50"	10° 40' 03"	107° 09' 54"	C-48-35-C-b
nhà thờ Đức Hiệp	KX	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 40"	107° 12' 48"					C-48-35-D-a
suối Gia Hóp	TV	xã Xà Bang	H. Châu Đức			10° 44' 55"	107° 14' 19"	10° 42' 23"	107° 10' 52"	C-48-35-C-b
chùa Lạc Bang	KX	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 41"	107° 14' 36"					C-48-35-C-b
ấp Liên Đức	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 42' 25"	107° 11' 28"					C-48-35-C-b
ấp Liên Hiệp 1	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 37"	107° 13' 13"					C-48-35-C-b
ấp Liên Hiệp 2	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 44' 21"	107° 13' 55"					C-48-35-C-b
ấp Liên Lộc	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 48"	107° 14' 20"					C-48-35-C-b
ấp Liên Sơn	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 45' 18"	107° 14' 33"					C-48-35-C-b
suối Tầm Bó	TV	xã Xà Bang	H. Châu Đức			10° 45' 25"	107° 15' 15"	10° 40' 46"	107° 21' 01"	C-48-35-B-c; C-48-35-D-a
bia tưởng niệm Chiến thắng Tầm Bó	KX	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 27"	107° 15' 26"					C-48-35-D-a
sông Trà Răng	TV	xã Xà Bang	H. Châu Đức			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-A-d; C-48-35-C-b
đền thờ Liệt sĩ Xà Bang	KX	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 26"	107° 15' 33"					C-48-35-D-a
ấp Xà Bang 1	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 31"	107° 14' 31"					C-48-35-C-b
ấp Xà Bang 2	DC	xã Xà Bang	H. Châu Đức	10° 43' 27"	107° 14' 52"					C-48-35-C-b
nông trường cao su Bình Ba	KX	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 38' 07"	107° 19' 08"					C-48-35-D-a
Suối Giàu	TV	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức			10° 37' 29"	107° 18' 52"	10° 34' 07"	107° 20' 45"	C-48-35-D-c
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hoà Bình	KX	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức			10° 39' 53"	107° 10' 04"	10° 38' 30"	107° 21' 52"	C-48-35-C-b; C-48-35-D-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	KX	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 38' 42"	107° 18' 32"					C-48-35-D-a
Núi Nứa	SV	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 37' 15"	107° 18' 52"					C-48-35-D-c
ấp Quảng Giao	DC	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 39' 01"	107° 18' 30"					C-48-35-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Quảng Hà	DC	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 39' 03"	107° 19' 04"					C-48-35-D-a
ấp Sơn Hoà	DC	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 38' 25"	107° 18' 39"					C-48-35-D-a
giáo xứ Sơn Hoà	KX	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 38' 14"	107° 18' 47"					C-48-35-D-a
chùa Sơn Linh	KX	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 38' 56"	107° 18' 46"					C-48-35-D-a
ấp Sơn Thuận	DC	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 38' 29"	107° 19' 01"					C-48-35-D-c
suối Tà Lùng	TV	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức			10° 37' 42"	107° 19' 00"	10° 34' 19"	107° 20' 48"	C-48-35-D-c
suối Tầm Bó	TV	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức			10° 45' 25"	107° 15' 15"	10° 40' 46"	107° 21' 01"	C-48-35-B-c; C-48-35-D-a
giáo xứ Xuân Sơn	KX	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 38' 43"	107° 19' 14"					C-48-35-D-a
ấp Xuân Tân	DC	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 39' 25"	107° 19' 18"					C-48-35-D-a
ấp Xuân Thọ	DC	xã Xuân Sơn	H. Châu Đức	10° 37' 18"	107° 18' 33"					C-48-35-D-c
đường tỉnh 52	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
quốc lộ 55	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-D-d
đường tỉnh 44B	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 29' 06"	107° 13' 07"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d; C-48-47-B-a
Hầm bí mật Anh hùng Liệt sĩ Nguyễn Thị Đẹp	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 53"	107° 16' 06"					C-48-47-B-a
kênh Bà Đáp	TV	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 30' 39"	107° 14' 18"	10° 28' 15"	107° 19' 15"	C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
Mương Bông	TV	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 28' 56"	107° 15' 07"	10° 28' 11"	107° 14' 56"	C-48-47-A-b+d; C-48-47-B-a
chùa Bửu Quang	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 14"	107° 15' 37"					C-48-47-B-a
chùa Bửu Thắng	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 09"	107° 16' 55"					C-48-47-B-a
cầu Đất Đỏ	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 17"	107° 15' 06"					C-48-47-B-a
chợ Đất Đỏ	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 27"	107° 16' 11"					C-48-47-B-a
suối Đất Đỏ	TV	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 30' 51"	107° 14' 42"	10° 28' 56"	107° 15' 07"	C-48-35-C-d; C-48-47-B-a
núi Gia Quy	SV	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 30' 23"	107° 16' 10"					C-48-35-D-c
khu phố Hiệp Hoà	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 49"	107° 16' 22"					C-48-47-B-a
đình Hiệp Hoà	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 37"	107° 16' 19"					C-48-47-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
mường Hoá Giang-Ba Cầu	TV	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 27' 50"	107° 15' 38"	10° 27' 27"	107° 15' 53"	C-48-47-B-a
khu phố Hoà Hội	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 43"	107° 15' 33"					C-48-47-B-a
đình Hoà Long	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 28"	107° 16' 05"					C-48-47-B-a
nghĩa trang Liệt sĩ liên huyện Long Điền-Đất Đỏ	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 11"	107° 15' 19"					C-48-47-B-a
Suối Ngang	TV	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ			10° 32' 54"	107° 17' 25"	10° 30' 25"	107° 15' 12"	C-48-35-D-c
chùa Phước Hiệp	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 35"	107° 15' 32"					C-48-47-B-a
chùa Phước Lộc	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 36"	107° 15' 22"					C-48-47-B-a
khu phố Phước Sơn	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 50"	107° 16' 16"					C-48-47-B-a
chùa Phước Sơn	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 30' 00"	107° 16' 22"					C-48-35-D-c
đình Phước Thọ	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 01"	107° 16' 11"					C-48-47-B-a
khu phố Phước Thới	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 25"	107° 16' 28"					C-48-47-B-a
khu phố Phước Trung	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 04"	107° 16' 28"					C-48-47-B-a
chùa Sắc Tứ Vạn An	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 06"	107° 16' 05"					C-48-47-B-a
khu phố Thanh Bình	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 36"	107° 15' 35"					C-48-47-B-a
khu phố Thanh Long	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 45"	107° 15' 52"					C-48-47-B-a
đình-chùa Thạnh Mỹ	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 30' 00"	107° 16' 09"					C-48-35-D-c; C-48-47-B-a
nhà thờ Thánh Tâm	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 33"	107° 15' 49"					C-48-47-B-a
khu phố Thanh Tân	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 09"	107° 15' 36"					C-48-47-B-a
nhà văn hoá Thị trấn Đất Đỏ	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 21"	107° 16' 01"					C-48-47-B-a
Trường Cao đẳng Nghề tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 15"	107° 15' 25"					C-48-47-B-a
khu phố Tường Thành	DC	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 28' 44"	107° 16' 00"					C-48-47-B-a
nhà lưu niệm Võ Thị Sáu	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 23"	107° 16' 01"					C-48-47-B-a
công viên Tượng đài Võ Thị Sáu	KX	TT. Đất Đỏ	H. Đất Đỏ	10° 29' 28"	107° 16' 08"					C-48-47-B-a
khu du lịch Bến Thành-Long Hải	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 24' 29"	107° 16' 34"					C-48-47-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Bửu Long	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 38"	107° 17' 10"					C-48-47-B-a
xí nghiệp Chế biến Hải sản Xuất khẩu 3	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 09"	107° 17' 23"					C-48-47-B-a
khu phố Hải An	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 46"	107° 17' 32"					C-48-47-B-a
khu phố Hải Lạc	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 29"	107° 17' 26"					C-48-47-B-a
khu phố Hải Phúc	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 25"	107° 17' 08"					C-48-47-B-a
khu phố Hải Sơn	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 02"	107° 16' 57"					C-48-47-B-a
khu phố Hải Tân	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 14"	107° 17' 08"					C-48-47-B-a
khu phố Hải Trung	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 43"	107° 17' 24"					C-48-47-B-a
chùa Linh quang Tịnh xá Hòn Một	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 24' 23"	107° 16' 15"					C-48-47-B-a
đền thờ Liệt sĩ huyện Đất Đỏ	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 24' 24"	107° 15' 33"					C-48-47-B-a
mũi Kỳ Vân	SV	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 22' 51"	107° 15' 15"					C-48-47-A-b+d
khu mộ Lăng Cá Ông	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 57"	107° 18' 01"					C-48-47-B-a
khu phố Lộc An	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 56"	107° 17' 50"					C-48-47-B-a
khu căn cứ Lịch sử Cách mạng Minh Đạm	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 24' 26"	107° 15' 37"					C-48-47-B-a
núi Minh Đạm	SV	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 24' 07"	107° 15' 08"					C-48-47-B-a
Trung tâm Giồng hải sản Nam Bộ	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 26' 19"	107° 18' 00"					C-48-47-B-a
khu phố Phước An	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 53"	107° 17' 40"					C-48-47-B-a
khu phố Phước Điền	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 33"	107° 16' 45"					C-48-47-B-a
đồn biên phòng Phước Hải	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 24' 27"	107° 16' 19"					C-48-47-B-a
thánh thất Phước Hải	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 48"	107° 17' 26"					C-48-47-B-a
chợ Phước Hải	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 09"	107° 17' 01"					C-48-47-B-a
khu phố Phước Trung	DC	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 39"	107° 17' 22"					C-48-47-B-a
đền thờ Liệt sĩ thị trấn Phước Hải	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 45"	107° 17' 12"					C-48-47-B-a
miếu Bà Thiên Hậu Ngươn Quân	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 25' 53"	107° 17' 05"					C-48-47-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu du lịch Thuỷ Dương	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 23' 53"	107° 16' 02"					C-48-47-B-a
thiền viện Trúc lâm Chân Nguyên	KX	TT. Phước Hải	H. Đất Đỏ	10° 23' 53"	107° 15' 46"					C-48-47-B-a
quốc lộ 55	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-D-d
cầu Bà Lá	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 30' 10"	107° 19' 22"					C-48-35-D-c
suối Bà Lá	TV	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ			10° 31' 03"	107° 18' 54"	10° 30' 05"	107° 19' 31"	C-48-35-D-c
ấp Cây Cám	DC	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 31' 20"	107° 21' 04"					C-48-35-D-c
cầu Công Nhân	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 31' 26"	107° 21' 41"					C-48-35-D-c
Sông Đăng	TV	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ			10° 30' 21"	107° 21' 13"	10° 29' 52"	107° 22' 26"	C-48-35-D-c; C-48-47-B-a
bia chiến tích Dốc Cây Cám	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 31' 14"	107° 21' 12"					C-48-35-D-c
ấp Gò Sầm	DC	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 31' 43"	107° 21' 50"					C-48-35-D-c
ấp Láng Dài	DC	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 29' 32"	107° 19' 08"					C-48-47-B-a
Trường Trung học cơ sở Láng Dài	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 30' 25"	107° 20' 16"					C-48-35-D-c
Trường Tiểu học Láng Dài 1	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 30' 25"	107° 20' 16"					C-48-35-D-c
suối Lò Ô	TV	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ			10° 38' 15"	107° 15' 17"	10° 32' 41"	107° 20' 49"	C-48-35-D-c
Sông Ray	TV	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-a
Suối Sâu	TV	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ			10° 30' 30"	107° 21' 45"	10° 33' 02"	107° 21' 12"	C-48-35-D-c
đập Sông Ray	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 32' 40"	107° 21' 39"					C-48-35-D-c
ấp Thanh An	DC	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 30' 14"	107° 20' 14"					C-48-35-D-c
Suối Tre	TV	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ			10° 31' 57"	107° 21' 41"	10° 32' 33"	107° 21' 27"	C-48-35-D-c
Cầu Trọng	KX	xã Láng Dài	H. Đất Đỏ	10° 31' 20"	107° 22' 10"					C-48-35-D-c
ấp An Bình	DC	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 29' 29"	107° 21' 13"					C-48-47-B-a
ấp An Điền	DC	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 09"	107° 18' 58"					C-48-47-B-a
ấp An Hải	DC	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 57"	107° 20' 21"					C-48-47-B-a
ấp An Hoà	DC	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 11"	107° 19' 24"					C-48-47-B-a
sông Bà Đáp	TV	xã Lộc An	H. Đất Đỏ			10° 28' 27"	107° 19' 49"	10° 28' 02"	107° 21' 05"	C-48-47-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Đăng	TV	xã Lộc An	H. Đất Đỏ			10° 30' 21"	107° 21' 13"	10° 29' 52"	107° 22' 26"	C-48-35-D-c; C-48-47-B-a
cảng cá huyện Đất Đỏ	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 28' 00"	107° 21' 00"					C-48-47-B-a
đồn biên phòng Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 28' 03"	107° 21' 07"					C-48-47-B-a
Ụ tàu Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 28' 01"	107° 20' 50"					C-48-47-B-a
Trường Trung học cơ sở Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 29"	107° 19' 38"					C-48-47-B-a
Trường Tiểu học Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 33"	107° 19' 50"					C-48-47-B-a
Trường Mầm non Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 27"	107° 19' 49"					C-48-47-B-a
Trung tâm Văn hoá-Học tập Cộng đồng Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 25"	107° 19' 50"					C-48-47-B-a
cảng cá Xã Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 49"	107° 20' 50"					C-48-47-B-a
đền Liệt sĩ Lộc An	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 15"	107° 19' 27"					C-48-47-B-a
vịnh Lộc An	TV	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 43"	107° 20' 29"					C-48-47-B-a
cầu Ông Hèm 1	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 40"	107° 19' 30"					C-48-47-B-a
cầu Ông Hèm 2	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 50"	107° 20' 10"					C-48-47-B-a
rạch Ông Hèm	TV	xã Lộc An	H. Đất Đỏ			10° 27' 40"	107° 20' 02"	10° 27' 45"	107° 20' 16"	C-48-47-B-a
Sông Ray	TV	xã Lộc An	H. Đất Đỏ			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-a
Cầu Sa	KX	xã Lộc An	H. Đất Đỏ	10° 27' 11"	107° 18' 45"					C-48-47-B-a
Sông Sao	TV	xã Lộc An	H. Đất Đỏ			10° 29' 27"	107° 21' 43"	10° 29' 10"	107° 22' 06"	C-48-47-B-a
đường tỉnh 44A	KX	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-B-a
đường tỉnh 44B	KX	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ			10° 29' 06"	107° 13' 07"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d; C-48-47-B-a
hồ Bút Thiên	TV	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 56"	107° 15' 01"					C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
núi Châu Viên	SV	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 25' 36"	107° 14' 34"					C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
hội quán Hưng Ninh Tự	KX	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 12"	107° 17' 21"					C-48-47-B-a
chùa Long Hội Tự	KX	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 59"	107° 16' 43"					C-48-47-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Tiểu học Long Mỹ	KX	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 23"	107° 16' 24"					C-48-47-B-a
đền thờ Liệt sĩ xã Long Mỹ	KX	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 20"	107° 16' 14"					C-48-47-B-a
ấp Mỹ An	DC	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 39"	107° 16' 28"					C-48-47-B-a
ấp Mỹ Hoà	DC	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 25' 54"	107° 15' 39"					C-48-47-B-a
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 06"	107° 16' 39"					C-48-47-B-a
hồ Sờ Bông	TV	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 25' 29"	107° 15' 49"					C-48-47-B-a
Bàu Tây	TV	xã Long Mỹ	H. Đất Đỏ	10° 26' 18"	107° 16' 07"					C-48-47-B-a
đường tỉnh 52	KX	xã Long Tân	H. Đất Đỏ			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
suối Đá Bàng	TV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ			10° 40' 04"	107° 15' 22"	10° 30' 37"	107° 14' 09"	C-48-35-C-d
hồ Đá Bàng	TV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 33' 35"	107° 15' 03"					
hồ Lô Ô	TV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 33' 31"	107° 19' 26"					C-48-35-D-c
suối Lô Ô	TV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ			10° 38' 15"	107° 15' 17"	10° 32' 41"	107° 20' 49"	C-48-35-D-c
Thập tự giá Long Tân	KX	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 33' 08"	107° 15' 50"					C-48-35-D-c
Suối Mầu	TV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ			10° 34' 41"	107° 16' 26"	10° 34' 04"	107° 17' 25"	C-49-35-D-c
Suối Ngang	TV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ			10° 32' 54"	107° 17' 25"	10° 30' 25"	107° 15' 12"	C-48-35-D-c
hồ Suối Môn	TV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 33' 12"	107° 16' 44"					C-48-35-D-c
ấp Tân Hiệp	DC	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 33' 06"	107° 15' 18"					C-48-35-C-d
ấp Tân Hoà	DC	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 32' 27"	107° 16' 44"					C-48-35-C-d
ấp Tân Thuận	DC	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 33' 39"	107° 16' 40"					C-48-35-C-d
Núi Thom	SV	xã Long Tân	H. Đất Đỏ	10° 33' 50"	107° 15' 54"					C-48-35-D-c
đường tỉnh 52	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ			10° 31' 15"	107° 11' 46"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-35-C-d; C-48-47-A-b+d
đường tỉnh 44A	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-B-a
đường tỉnh 44B	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ			10° 29' 06"	107° 13' 07"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d; C-48-47-B-a
kênh Bà Đáp	TV	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ			10° 30' 39"	107° 14' 18"	10° 28' 15"	107° 19' 15"	C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
suối Bà Tùng	TV	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ			10° 29' 24"	107° 17' 00"	10° 28' 27"	107° 19' 49"	C-48-47-B-a
cầu Cây Me	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 32"	107° 16' 40"					C-48-47-B-a
Cầu Cụt	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 18"	107° 16' 46"					C-48-47-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Cầu Dài	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 23"	107° 16' 44"					C-48-47-B-a
cầu Đập Quay	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 28' 14"	107° 19' 15"					C-48-47-B-a
mường Hoá Giang-Ba Cầu	TV	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ			10° 27' 50"	107° 15' 38"	10° 27' 27"	107° 15' 53"	C-48-47-B-a
ấp Hội Mỹ	DC	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 01"	107° 17' 04"					C-48-47-B-a
chùa Linh Sơn	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 44"	107° 16' 30"					C-48-47-B-a
nghĩa trang Phước Hội	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 28' 47"	107° 19' 21"					C-48-47-B-a
chợ liên xã Phước Hội-Long Mỹ	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 06"	107° 16' 45"					C-48-47-B-a
ấp Phước Lộc	DC	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 35"	107° 16' 07"					C-48-47-B-a
ấp Phước Lợi	DC	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 55"	107° 16' 34"					C-48-47-B-a
đình Phước Lợi	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 48"	107° 16' 42"					C-48-47-B-a
thánh thất Phước Long Hội	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 26' 46"	107° 17' 02"					C-48-47-B-a
Cầu Sa	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 11"	107° 18' 45"					C-48-47-B-a
ấp Tân Hội	DC	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 26' 44"	107° 17' 23"					C-48-47-B-a
chùa Thích Ca	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 57"	107° 16' 31"					C-48-47-B-a
đền Liệt sĩ Xã Phước Hội	KX	xã Phước Hội	H. Đất Đỏ	10° 27' 21"	107° 16' 58"					C-48-47-B-a
quốc lộ 55	KX	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-D-d
cầu Bà Lá	KX	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ	10° 30' 10"	107° 19' 22"					C-48-35-D-c
suối Bà Lá	TV	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ			10° 31' 03"	107° 18' 54"	10° 30' 05"	107° 19' 31"	C-48-35-D-c
suối Bà Tùng	TV	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ			10° 29' 24"	107° 17' 00"	10° 28' 27"	107° 19' 49"	C-48-47-B-a
khu công nghiệp Đất Đỏ 1	KX	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ	10° 30' 44"	107° 17' 35"					C-48-35-D-c
chùa Long Thọ	KX	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ	10° 30' 09"	107° 17' 49"					C-48-35-D-c
suối Mã Trốc	TV	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ			10° 30' 27"	107° 17' 30"	10° 30' 05"	107° 19' 31"	C-48-35-D-c
ấp Phước Sơn	DC	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ	10° 30' 49"	107° 19' 12"					C-48-35-D-c
ấp Phước Thới	DC	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ	10° 30' 08"	107° 17' 02"					C-48-35-D-c
ấp Phước Trung	DC	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ	10° 29' 14"	107° 17' 04"					C-48-47-B-a
Suối Sậy	TV	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ			10° 31' 55"	107° 19' 29"	10° 30' 55"	107° 19' 02"	C-48-35-D-c
Suối Sỏi	TV	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ			10° 32' 55"	107° 18' 41"	10° 31' 56"	107° 19' 02"	C-48-35-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Phước Long Thọ	H. Đất Đỏ			10° 31' 00"	107° 18' 12"	10° 33' 19"	107° 19' 38"	C-48-35-D-c
Đường xã 10	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 29' 45"	107° 12' 46"	C-48-47-A-b+d
đường tỉnh 44A	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d
quốc lộ 55	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d
Chùa Bà	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 19"	107° 12' 32"					C-48-47-A-b+d
kênh Bà Đáp	TV	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 30' 39"	107° 14' 18"	10° 28' 15"	107° 19' 15"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-C-d
suối Cầu Ngang	TV	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 30' 00"	107° 13' 08"	10° 29' 32"	107° 13' 37"	C-48-47-A-b+d
khu du lịch Cẩm Lệ	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 32"	107° 12' 00"					C-48-47-A-b+d
miếu Cây Quéo	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 39"	107° 12' 27"					C-48-47-A-b+d
sông Cỏ May	TV	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 28' 31"	107° 09' 44"	C-48-47-A-b+d
đường Dương Bạch Mai	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 29' 14"	107° 13' 30"	C-48-47-A-b+d
Bưu điện-Trung tâm viễn thông huyện Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 07"	107° 12' 47"					C-48-47-A-b+d
đền thờ Liệt sĩ huyện Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 25"	107° 13' 24"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm Văn hoá-Thông tin-thể thao huyện Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 18"	107° 13' 37"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 54"	107° 13' 02"					C-48-47-A-b+d
Điện lực huyện Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 31"	107° 13' 08"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long An	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 04"	107° 12' 08"					C-48-47-A-b+d
miếu Bà Long An	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 60"	107° 12' 06"					C-48-47-A-b+d
chùa Long Bàng	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 13"	107° 12' 56"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long Bình	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 52"	107° 12' 29"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 06"	107° 12' 48"					C-48-47-A-b+d
nhà hát Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 09"	107° 12' 39"					C-48-47-A-b+d
chợ Long Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 40"	107° 12' 49"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu phố Long Hiệp	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 36"	107° 12' 15"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long Lâm	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 21"	107° 12' 47"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long Liên	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 46"	107° 12' 26"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long Nguyên	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 17"	107° 12' 14"					C-48-47-A-b+d
miếu Long Nguyên	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 09"	107° 11' 59"					C-48-47-A-b+d
đình Long Phương	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 23"	107° 13' 21"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long Phương	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 15"	107° 13' 12"					C-48-47-A-b+d
chùa Long Quy	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 20"	107° 12' 00"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long Sơn	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 59"	107° 12' 60"					C-48-47-A-b+d
khu phố Long Tân	DC	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 12"	107° 12' 25"					C-48-47-A-b+d
chùa Long Triêm	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 53"	107° 12' 26"					C-48-47-A-b+d
chùa Long Vân	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 59"	107° 12' 54"					C-48-47-A-b+d
tịnh xá Ngọc Điền	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 28' 40"	107° 12' 36"					C-48-47-A-b+d
chùa Phước Duyên	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 24"	107° 11' 55"					C-48-47-A-b+d
Bàu Thành	TV	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 23"	107° 13' 32"					C-48-47-A-b+d
chùa Thiện Quang	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền	10° 29' 00"	107° 12' 23"					C-48-47-A-b+d
kênh Thuỷ Lợi	TV	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 29' 54"	107° 12' 59"	10° 29' 28"	107° 13' 37"	C-48-47-A-b+d
đường Võ Thị Sáu	KX	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 29' 10"	107° 13' 41"	C-48-47-A-b+d
sông Vũng Dền	TV	TT. Long Điền	H. Long Điền			10° 30' 34"	107° 10' 44"	10° 27' 49"	107° 10' 23"	C-48-47-A-b+d
Đoàn An-Điều dưỡng 298	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 12"	107° 14' 06"					C-48-47-A-b+d
khu nghỉ dưỡng ANOASIS	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 22' 55"	107° 14' 26"					C-48-47-A-b+d
chùa Bà Chảo	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 56"	107° 13' 51"					C-48-47-A-b+d
đội công tác hành chính Biên Phòng	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 19"	107° 14' 04"					C-48-47-A-b+d
núi Châu Viên	SV	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 25' 36"	107° 14' 34"					C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
Mộ Cô	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 22' 49"	107° 14' 20"					C-48-47-A-b+d
mũi Cơm Thiêu	SV	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 22' 41"	107° 14' 29"					C-48-47-A-b+d
khu nghỉ dưỡng DEAWON	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 00"	107° 14' 07"					C-48-47-A-b+d
Dinh Cô	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 15"	107° 13' 57"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu phố Hải An	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 35"	107° 13' 53"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Bình	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 59"	107° 13' 07"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Điền	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 51"	107° 13' 57"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Hà 1	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 53"	107° 13' 27"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Hà 2	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 14"	107° 13' 15"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Hoà	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 48"	107° 13' 58"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Lộc	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 08"	107° 13' 29"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Phong 1	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 29"	107° 13' 46"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Phong 2	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 38"	107° 13' 41"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Sơn	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 33"	107° 13' 54"					C-48-47-A-b+d
chợ Hải Sơn	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 35"	107° 13' 51"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Tân	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 07"	107° 14' 25"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Trung	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 22"	107° 14' 03"					C-48-47-A-b+d
khu phố Hải Vân	DC	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 48"	107° 13' 25"					C-48-47-A-b+d
núi Hòn Dựng	SV	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 59"	107° 10' 04"					C-48-47-A-b+d
Huỳnh Hồ Động	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 16"	107° 14' 41"					C-48-47-A-b+d
mũi Kỳ Vân	SV	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 22' 51"	107° 15' 15"					C-48-47-A-b+d
miếu Lâm Tùng Sơn	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 57"	107° 14' 50"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm điều dưỡng Thương binh và Người có công Long Đất	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 36"	107° 13' 57"					C-48-47-A-b+d
chợ Long Hải	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 37"	107° 13' 17"					C-48-47-A-b+d
khách sạn Long Hải	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 14"	107° 13' 02"					C-48-47-A-b+d
đền thờ Liệt sĩ Long Hải	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 03"	107° 14' 23"					C-48-47-A-b+d
tỉnh xá Ngọc Hải	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 22' 55"	107° 14' 17"					C-48-47-A-b+d
tỉnh xá Ngọc Lâm	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 28"	107° 14' 11"					C-48-47-A-b+d
điện Tam Thế	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 13"	107° 14' 34"					C-48-47-A-b+d
đường trung tâm Thị trấn Long Hải 1	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d
đường trung tâm Thị trấn Long Hải 2	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền			10° 25' 04"	107° 13' 02"	10° 22' 51"	107° 15' 11"	C-48-47-A-b+d; C-48-47-B-a
chùa Thường Hạnh	KX	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 24' 07"	107° 14' 11"					C-48-47-A-b+d
núi Trương Phi	SV	TT. Long Hải	H. Long Điền	10° 23' 32"	107° 14' 49"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường xã 14	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 29' 16"	107° 14' 28"	10° 25' 53"	107° 12' 34"	C-48-47-A-b+d
quốc lộ 55	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d
đường tỉnh 44A	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d
đường tỉnh 44B	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 29' 06"	107° 13' 07"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d
ấp An Bình	DC	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 28' 58"	107° 13' 13"					C-48-47-A-b+d
ấp An Hoà	DC	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 29' 03"	107° 13' 28"					C-48-47-A-b+d
chùa An Hoà	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 28' 46"	107° 13' 21"					C-48-47-A-b+d
ấp An Lộc	DC	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 28' 29"	107° 12' 47"					C-48-47-A-b+d
cụm công nghiệp An Ngãi	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 26' 19"	107° 13' 04"					C-48-47-A-b+d
ấp An Phước	DC	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 28' 43"	107° 13' 19"					C-48-47-A-b+d
ấp An Thạnh	DC	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 27' 43"	107° 12' 43"					C-48-47-A-b+d
miếu Bà Cửu Thiên	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 28' 12"	107° 12' 53"					C-48-47-A-b+d
kênh Bà Đáp	TV	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 30' 39"	107° 14' 18"	10° 28' 15"	107° 19' 15"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-C-d
miếu Bà Ngũ Hành	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 26' 31"	107° 12' 57"					C-48-47-A-b+d
sông Cỏ May	TV	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 28' 31"	107° 09' 44"	C-48-47-A-b+d
sông Cửa Lấp	TV	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 23' 49"	107° 10' 07"	C-48-47-A-b+d
núi Đá Dựng	SV	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 27' 06"	107° 13' 45"					C-48-47-A-b+d
núi Hòn Dung	SV	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 26' 14"	107° 13' 33"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm Nuôi dưỡng người già neo đơn huyện	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 26' 11"	107° 13' 11"					C-48-47-A-b+d
chùa Long An	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 28' 42"	107° 13' 00"					C-48-47-A-b+d
chùa Long Hoà	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 27' 60"	107° 12' 46"					C-48-47-A-b+d
cảng Minh Tiến	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 26' 16"	107° 12' 48"					C-48-47-A-b+d
Cầu Mốc	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 29' 18"	107° 14' 07"					C-48-47-A-b+d
nhà máy Xử lý Khí Nam Côn Sơn	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 27' 35"	107° 13' 07"					C-48-47-A-b+d
Cầu Ngang	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 29' 17"	107° 13' 50"					C-48-47-A-b+d
miếu Tam Vi	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền	10° 27' 55"	107° 12' 44"					C-48-47-A-b+d
đường Võ Thị Sáu	KX	xã An Ngãi	H. Long Điền			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 29' 10"	107° 13' 41"	C-48-47-A-b+d
đường xã 14	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền			10° 29' 16"	107° 14' 28"	10° 25' 53"	107° 12' 34"	C-48-47-A-b+d
quốc lộ 55	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa An Bửu	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 27"	107° 14' 40"					C-48-47-A-b+d
ấp An Đồng	DC	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 28' 60"	107° 14' 30"					C-48-47-A-b+d
ấp An Hoà	DC	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 05"	107° 14' 48"					C-48-47-A-b+d
ấp An Lạc	DC	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 21"	107° 14' 32"					C-48-47-A-b+d
chùa An Long	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 11"	107° 14' 25"					C-48-47-A-b+d
cầu An Nhứt	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 18"	107° 14' 07"					C-48-47-A-b+d
miếu An Nhứt	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 28' 53"	107° 14' 45"					C-48-47-A-b+d
ấp An Trung	DC	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 11"	107° 14' 37"					C-48-47-A-b+d
kênh Bà Đáp	TV	xã An Nhứt	H. Long Điền			10° 30' 39"	107° 14' 18"	10° 28' 15"	107° 19' 15"	C-48-47-A-b+d; C-48-35-C-d
cầu Bà Nghè	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 28' 42"	107° 14' 10"					C-48-47-A-b+d
Mương Bồng	TV	xã An Nhứt	H. Long Điền			10° 28' 11"	107° 15' 07"	10° 28' 11"	107° 14' 56"	C-48-47-A-b+d; C-48-47-B-a
thánh thất Cao Đài	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 16"	107° 14' 43"					C-48-47-A-b+d
cầu Đất Đỏ	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 17"	107° 15' 06"					C-48-47-B-a
suối Đất Đỏ	TV	xã An Nhứt	H. Long Điền			10° 30' 51"	107° 14' 42"	10° 28' 56"	107° 15' 07"	C-48-35-C-d; C-48-47-B-a
đền thờ Liệt sĩ xã An Nhứt	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 03"	107° 14' 52"					C-48-47-A-b+d
Trung tâm Y tế Long Điền	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 10"	107° 14' 24"					C-48-47-A-b+d
Cầu Mốc	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 18"	107° 14' 07"					C-48-47-A-b+d
công ty SangSeung Việt Nam	KX	xã An Nhứt	H. Long Điền	10° 29' 15"	107° 14' 48"					C-48-47-A-b+d
Đường xã 5	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền			10° 25' 10"	107° 13' 02"	10° 24' 15"	107° 10' 42"	C-48-47-A-b+d
đường tỉnh 44A	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền			10° 29' 22"	107° 11' 22"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d
rạch Cái Chanh	TV	xã Phước Hưng	H. Long Điền			10° 25' 40"	107° 13' 06"	10° 25' 29"	107° 12' 41"	C-48-47-A-b+d
núi Châu Viên	SV	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 36"	107° 14' 34"					C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
sông Cửa Lấp	TV	xã Phước Hưng	H. Long Điền			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 23' 49"	107° 10' 07"	C-48-47-A-b+d
ấp Hải Lâm	DC	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 31"	107° 13' 22"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Hải Lâm	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 27"	107° 13' 10"					C-48-47-A-b+d
ấp Hải Sơn	DC	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 32"	107° 13' 08"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Hòn Dung	SV	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 26' 14"	107° 13' 33"					C-48-47-A-b+d
núi Hòn Dung	SV	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 24' 59"	107° 10' 04"					C-48-47-A-b+d
cảng Hưng Thái	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 14"	107° 12' 38"					C-48-47-A-b+d
ấp Lò Vôi	DC	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 14"	107° 12' 55"					C-48-47-A-b+d
đình Phước Hưng	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 17"	107° 12' 47"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Phước Hưng	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 24' 48"	107° 12' 17"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Lâm	DC	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 24' 53"	107° 12' 32"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Lộc	DC	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 24' 31"	107° 12' 35"					C-48-47-A-b+d
miếu Phước Lộc	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 24' 36"	107° 12' 57"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Thọ	DC	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 24' 46"	107° 12' 50"					C-48-47-A-b+d
công ty Cấp nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 19"	107° 13' 05"					C-48-47-A-b+d
đền thờ Liệt sĩ xã Phước Hưng	KX	xã Phước Hưng	H. Long Điền	10° 25' 52"	107° 13' 49"					C-48-47-A-b+d
Đường xã 5	KX	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền			10° 25' 10"	107° 13' 02"	10° 24' 15"	107° 10' 42"	C-48-47-A-b+d
đồn biên phòng 504	KX	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 31"	107° 11' 16"					C-48-47-A-b+d
cầu Cửa Lấp	KX	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 25' 21"	107° 11' 00"					C-48-47-A-b+d
sông Cửa Lấp	TV	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền			10° 27' 17"	107° 11' 05"	10° 23' 49"	107° 10' 07"	C-48-47-A-b+d
chùa Linh Giác	KX	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 18"	107° 11' 02"					C-48-47-A-b+d
Chùa Mỗ	KX	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 51"	107° 11' 19"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước An	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 06"	107° 10' 47"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Bình	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 42"	107° 12' 01"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Phước Bình	KX	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 51"	107° 11' 55"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Hiệp	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 17"	107° 10' 45"					C-48-47-A-b+d
cảng cá Phước Hiệp	KX	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 06"	107° 10' 29"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Hoà	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 40"	107° 11' 36"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Hương	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 16"	107° 10' 55"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Lộc	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 08"	107° 10' 34"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Lợi	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 41"	107° 11' 30"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Tân	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 46"	107° 11' 20"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Thái	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 25' 00"	107° 11' 57"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Thắng	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 43"	107° 11' 43"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Thiện	DC	xã Phước Tỉnh	H. Long Điền	10° 24' 55"	107° 11' 46"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Phước Thuận	DC	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 33"	107° 11' 16"					C-48-47-A-b+d
bưu điện Phước Tinh	KX	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 21"	107° 11' 12"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Phước Tinh	KX	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 15"	107° 10' 44"					C-48-47-A-b+d
ấp Tân An	DC	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 12"	107° 10' 58"					C-48-47-A-b+d
ấp Tân Lập	DC	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 22"	107° 11' 05"					C-48-47-A-b+d
ấp Tân Phước	DC	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 18"	107° 11' 10"					C-48-47-A-b+d
nhà thờ Tân Phước	KX	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 15"	107° 11' 02"					C-48-47-A-b+d
cảng cá Tân Phước	KX	xã Phước Tinh	H. Long Điền	10° 24' 27"	107° 11' 06"					C-48-47-A-b+d
đường xã 14	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền			10° 29' 16"	107° 14' 28"	10° 25' 53"	107° 12' 34"	C-48-47-A-b+d
đường tỉnh 44B	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền			10° 29' 06"	107° 13' 07"	10° 27' 05"	107° 16' 50"	C-48-47-A-b+d
kênh Bà Đáp	TV	xã Tam Phước	H. Long Điền			10° 30' 39"	107° 14' 18"	10° 28' 15"	107° 19' 15"	C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
cầu Bà Nghè	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 42"	107° 14' 10"					C-48-47-A-b+d
mộ Bà Rịa	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 32"	107° 14' 10"					C-48-47-A-b+d
Mương Bồng	TV	xã Tam Phước	H. Long Điền			10° 28' 56"	107° 15' 07"	10° 28' 11"	107° 14' 56"	C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
hồ Bút Thiên	TV	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 26' 56"	107° 15' 01"					C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
chùa Bửu Quang	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 33"	107° 13' 42"					C-48-47-A-b+d
núi Châu Viên	SV	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 25' 36"	107° 14' 34"					C-48-47-B-a; C-48-47-A-b+d
núi Đá Dựng	SV	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 27' 06"	107° 13' 45"					C-48-47-A-b+d
đình Hắc Lăng	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 27"	107° 13' 47"					C-48-47-A-b+d
núi Hòn Dung	SV	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 26' 14"	107° 13' 33"					C-48-47-A-b+d
Ban chỉ huy quân sự huyện Long Điền	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 37"	107° 14' 04"					C-48-47-A-b+d
nghĩa trang huyện Long Điền	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 26' 41"	107° 14' 51"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Bình	DC	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 07"	107° 13' 49"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Hưng	DC	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 20"	107° 14' 08"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Lăng	DC	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 32"	107° 13' 42"					C-48-47-A-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Phước Linh	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 30"	107° 14' 09"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Nghĩa	DC	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 27' 59"	107° 14' 03"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Trinh	DC	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 27' 41"	107° 14' 54"					C-48-47-A-b+d
ấp Phước Trung	DC	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 27' 55"	107° 13' 43"					C-48-47-A-b+d
trường bắn Quân Khu 7	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 26' 37"	107° 14' 31"					C-48-47-A-b+d
chùa Thiên Bửu Tháp	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 10"	107° 13' 26"					C-48-47-A-b+d
chùa Thiên Thai	KX	xã Tam Phước	H. Long Điền	10° 28' 04"	107° 13' 27"					C-48-47-A-b+d
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Tam Phước	H. Long Điền			10° 28' 47"	107° 14' 04"	10° 30' 39"	107° 14' 18"	C-48-47-A-b+d
cảng Bà Rịa Serece	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 21"	107° 01' 36"					C-48-35-C-c
nhà máy Đóng tàu Ba Son	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 33' 12"	107° 00' 57"					C-48-35-C-c
rạch Bàn Thạch	TV	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 33' 57"	107° 01' 42"	10° 32' 48"	107° 01' 25"	C-48-35-C-c
Cảng Dầu	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 33"	107° 01' 07"					C-48-35-C-c
chùa Dược Sư	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 54"	107° 03' 34"					C-48-35-C-c
đường Độc Lập	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-c
chùa Hộ Pháp	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 17"	107° 02' 25"					C-48-35-C-c
nhà máy Xi măng Holcim	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 16"	107° 01' 17"					C-48-35-C-c
chùa Huệ Chiếu	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 03"	107° 03' 29"					C-48-35-C-c
chùa Hương Tích	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 06"	107° 03' 14"					C-48-35-C-c
Trung tâm Văn hoá Thể thao huyện Tân Thành	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 12"	107° 03' 10"					C-48-35-C-c
chùa Khánh Hoà	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 18"	107° 03' 49"					C-48-35-C-c
chùa Kiều Đàm	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 17"	107° 03' 57"					C-48-35-C-c
khu nghỉ dưỡng Lesco	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 00"	107° 03' 48"					C-48-35-C-c
Rạch Mương	TV	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 36' 44"	107° 06' 05"	10° 36' 39"	107° 00' 41"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-b
khu phố Ngọc Hà	DC	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 15"	107° 02' 31"					C-48-35-C-c
cầu Ngọc Hà	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 25"	107° 03' 12"					C-48-35-C-c
giáo xứ Ngọc Hà	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 23"	107° 02' 59"					C-48-35-C-c
chùa Ngọc Hoa Nghiêm	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 28"	107° 04' 24"					C-48-35-C-c
đường Nguyễn Huệ	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 34' 43"	107° 03' 13"	10° 34' 45"	107° 01' 49"	C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Nguyễn Văn Linh	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 36' 03"	107° 03' 11"	10° 36' 00"	107° 02' 15"	C-48-35-C-c
chùa Như Lai	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 33"	107° 04' 23"					C-48-35-C-c
chùa Niết Bàn	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 32"	107° 04' 31"					C-48-35-C-c
đường Phan Chu Trinh	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 36' 17"	107° 03' 12"	10° 36' 20"	107° 02' 16"	C-48-35-C-c
chùa Phổ Chiêu	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 04"	107° 03' 39"					C-48-35-C-c
đình thần Phú Mỹ	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 34' 53"	107° 03' 37"					C-48-35-C-c
nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 21"	107° 01' 33"					C-48-35-C-c
khu công nghiệp Phú Mỹ 1	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 29"	107° 02' 05"					C-48-35-C-c
khu công nghiệp Phú Mỹ 2	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 34' 19"	107° 01' 52"					C-48-35-C-c
chùa Phước Quang	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 03"	107° 02' 54"					C-48-35-C-c
cảng Nhà máy Thép Posco	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 33' 41"	107° 01' 05"					C-48-35-C-c
chùa Quan Âm	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 15"	107° 03' 41"					C-48-35-C-c
khu phố Quảng Phú	DC	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 51"	107° 02' 57"					C-48-35-C-c
chùa Quy Sơn	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 09"	107° 04' 24"					C-48-35-C-c
cảng Sài Gòn	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 34' 13"	107° 01' 20"					C-48-35-C-c
Suối Sao	TV	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 35' 30"	107° 06' 02"	10° 37' 03"	107° 01' 55"	C-48-35-C-c
khu phố Tân Hạnh	DC	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 15"	107° 04' 20"					C-48-35-C-c
khu phố Tân Ngọc	DC	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 20"	107° 03' 38"					C-48-35-C-c
khu phố Tân Phú	DC	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 05"	107° 04' 04"					C-48-35-C-c
cảng quốc tế Thị Vải	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 40"	107° 01' 33"					C-48-35-C-c
cảng tổng hợp Thị Vải	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 34' 40"	107° 01' 36"					C-48-35-C-c
núi Thị Vải	SV	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 28"	107° 05' 27"					C-48-35-C-c
sông Thị Vải	TV	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 38' 41"	107° 00' 44"	10° 30' 00"	106° 59' 48"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-c
đường Tôn Thất Tùng	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 35' 11"	107° 03' 14"	10° 35' 36"	107° 04' 43"	C-48-35-C-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 35' 21"	107° 03' 13"	10° 35' 23"	107° 01' 57"	C-48-35-C-c
đường Trường Chinh	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành			10° 35' 54"	107° 03' 09"	10° 36' 22"	107° 04' 31"	C-48-35-C-c
khu phố Vạn Hạnh	DC	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 35' 26"	107° 03' 37"					C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Vạn Pháp Quang Đại Tòng Lâm	KX	TT. Phú Mỹ	H. Tân Thành	10° 36' 09"	107° 03' 21"					C-48-35-C-c
núi Bao Quan	SV	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 33' 28"	107° 07' 51"					C-48-35-C-d
thôn Bàu Phụng	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 36' 46"	107° 08' 45"					C-48-35-C-d
Suối Cát	TV	xã Châu Pha	H. Tân Thành			10° 33' 38"	107° 08' 57"	10° 33' 57"	107° 10' 15"	C-48-35-C-d
nhà thờ Châu Pha	KX	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 35' 21"	107° 08' 39"					C-48-35-C-d
suối Châu Pha	TV	xã Châu Pha	H. Tân Thành			10° 42' 20"	107° 08' 32"	10° 34' 13"	107° 10' 12"	C-48-35-C-b; C-48-35-C-d
hồ Châu Pha	TV	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 36' 34"	107° 08' 01"					C-48-35-C-d
đường Châu Pha-Sông Xoài	KX	xã Châu Pha	H. Tân Thành			10° 38' 19"	107° 08' 16"	10° 35' 22"	107° 08' 42"	C-48-35-C-d
đường Châu Pha-Phước Tân	KX	xã Châu Pha	H. Tân Thành			10° 35' 22"	107° 08' 42"	10° 31' 09"	107° 10' 28"	C-48-35-C-d
suối Giao Kèo	TV	xã Châu Pha	H. Tân Thành			10° 33' 48"	107° 06' 39"	10° 34' 56"	107° 09' 12"	C-48-35-C-c; C-48-35-C-d
đường Hắc Dịch-Tóc Tiên-Châu Pha	KX	xã Châu Pha	H. Tân Thành			10° 38' 36"	107° 07' 16"	10° 35' 17"	107° 08' 47"	C-48-35-C-d
núi Ông Hựu	SV	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 33' 12"	107° 09' 03"					C-48-35-C-d
thôn Suối Tre	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 34' 54"	107° 09' 22"					C-48-35-C-d
núi Sương Mù	SV	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 32' 41"	107° 09' 08"					C-48-35-C-d
thôn Tân Châu	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 32' 51"	107° 10' 03"					C-48-35-C-d
thôn Tân Hà	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 36' 22"	107° 08' 51"					C-48-35-C-d
thôn Tân Lễ A	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 34' 10"	107° 09' 41"					C-48-35-C-d
thôn Tân Lễ B	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 34' 40"	107° 09' 13"					C-48-35-C-d
thôn Tân Long	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 35' 07"	107° 08' 48"					C-48-35-C-d
thôn Tân Ninh	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 35' 19"	107° 08' 28"					C-48-35-C-d
thôn Tân Phú	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 35' 20"	107° 08' 50"					C-48-35-C-d
thôn Tân Ro	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 36' 05"	107° 08' 45"					C-48-35-C-d
thôn Tân Sơn	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 34' 03"	107° 09' 10"					C-48-35-C-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 35' 45"	107° 08' 13"					C-48-35-C-d
thôn Tân Trung	DC	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 33' 49"	107° 09' 59"					C-48-35-C-d
núi Tân Trung	SV	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 33' 52"	107° 09' 45"					C-48-35-C-d
chùa Thiên Long	KX	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 34' 23"	107° 09' 06"					C-48-35-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Núi Trọc	SV	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 34' 37"	107° 08' 15"					C-48-35-C-d
chùa Vạn Phước	KX	xã Châu Pha	H. Tân Thành	10° 34' 16"	107° 09' 25"					C-48-35-C-d
Sông Xoài	TV	xã Châu Pha	H. Tân Thành			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-d
Áp 1	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 39' 31"	107° 08' 11"					C-48-35-C-b
Áp 2	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 45"	107° 07' 40"					C-48-35-C-a
Áp 3	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 39' 33"	107° 07' 04"					C-48-35-C-b
Áp 4	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 37' 40"	107° 07' 21"					C-48-35-C-a
Áp 5	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 11"	107° 06' 55"					C-48-35-C-a
Trung tâm Nghiên cứu Cây ăn quả miền Đông Nam Bộ	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 19"	107° 08' 16"					C-48-35-C-b
suối Châu Pha	TV	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành			10° 42' 20"	107° 08' 32"	10° 34' 13"	107° 10' 12"	C-48-35-C-b; C-48-35-C-d
suối Đá Vàng	TV	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành			10° 40' 58"	107° 07' 25"	10° 39' 52"	107° 05' 59"	C-48-35-C-a
khu công nghiệp B1 Đại Dương	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 54"	107° 04' 29"					C-48-35-C-a
nhà máy thép Nhật-Việt Đồng Tiến	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 07"	107° 04' 34"					C-48-35-C-a
chùa Đức Sơn	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 38"	107° 06' 20"					C-48-35-C-a
đền thờ Liệt sĩ Hắc Dịch	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 56"	107° 07' 31"					C-48-35-C-b
chợ Hắc Dịch	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 21"	107° 07' 09"					C-48-35-C-a
Trung tâm Văn hoá Học tập Cộng đồng Hắc Dịch	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 18"	107° 06' 41"					C-48-35-C-a
Trường Trung học cơ sở Hắc Dịch	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 38"	107° 07' 21"					C-48-35-C-a
Trường Trung học phổ thông Hắc Dịch	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 26"	107° 07' 16"					C-48-35-C-a
địa đạo Hắc Dịch	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 41' 08"	107° 07' 55"					C-48-35-C-b
đường Hắc Dịch-Tóc Tiên-Châu Pha	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành			10° 38' 36"	107° 07' 16"	10° 35' 17"	107° 08' 47"	C-48-35-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cụm công nghiệp Hắc Dịch 1	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 38"	107° 05' 15"					C-48-35-C-a
Rạch Mương	TV	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành			10° 36' 44"	107° 06' 05"	10° 36' 39"	107° 00' 41"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-b
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành			10° 37' 27"	107° 03' 12"	10° 40' 01"	107° 08' 40"	C-48-35-C-a
cầu Nhà Bè	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 40' 04"	107° 08' 22"					C-48-35-C-b
hồ Nhà Bè	TV	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 40' 19"	107° 08' 13"					C-48-35-C-b
ấp Nông Trường	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 09"	107° 08' 15"					C-48-35-C-b
Trại Công an Quận 5	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 39' 31"	107° 06' 04"					C-48-35-C-a
ấp Suối Nhum	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 09"	107° 05' 28"					C-48-35-C-a
đập Suối Nhum	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 37' 50"	107° 05' 34"					C-48-35-C-a
ấp Trảng Cát	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 45"	107° 04' 59"					C-48-35-C-a
chợ Trảng Cát	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 29"	107° 05' 12"					C-48-35-C-a
ấp Trảng Lớn	DC	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 33"	107° 05' 57"					C-48-35-C-a
nhà thờ Xuân Ngọc	KX	xã Hắc Dịch	H. Tân Thành	10° 38' 45"	107° 05' 54"					C-48-35-C-a
quốc lộ 51	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-c
vàm Bà Riêu Lớn	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 38' 46"	107° 01' 14"	10° 38' 41"	107° 00' 44"	C-48-35-C-a
ấp Bến Đình	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 31"	107° 03' 03"					C-48-35-C-c
chùa Bửu Thiên	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 30"	107° 03' 08"					C-48-35-C-a
tắc Cá Trùng	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 38' 09"	107° 00' 42"	10° 36' 55"	107° 00' 17"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-c
đạo Cao Đài	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 29"	107° 03' 17"					C-48-35-C-c
rạch Cầu Cháy	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 38' 33"	107° 02' 19"	10° 37' 14"	107° 02' 14"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-c
khu công nghiệp B1 Conac	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 28"	107° 04' 18"					C-48-35-C-a
khu công nghiệp B1 Đại Dương	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 54"	107° 04' 29"					C-48-35-C-a
chùa Huệ Minh	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 36' 51"	107° 03' 22"					C-48-35-C-c
chùa Huệ Quang	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 57"	107° 02' 50"					C-48-35-C-a
chùa Hưng Phú	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 12"	107° 03' 10"					C-48-35-C-a
Suối Keo	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 39' 16"	107° 05' 19"	10° 37' 28"	107° 03' 35"	C-48-35-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Lợi	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 37' 43"	107° 06' 31"	10° 37' 28"	107° 04' 21"	C-48-35-C-c
Rạch Mương	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 36' 44"	107° 06' 05"	10° 36' 39"	107° 00' 41"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-b
ấp Mỹ Tân	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 48"	107° 03' 22"					C-48-35-C-a
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 36' 54"	107° 03' 29"					C-48-35-C-c
đình thần Mỹ Xuân	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 15"	107° 03' 08"					C-48-35-C-c
khu công nghiệp Mỹ Xuân	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 44"	107° 02' 03"					C-48-35-C-a
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 37' 27"	107° 03' 12"	10° 40' 01"	107° 08' 40"	C-48-35-C-b; C-48-35-C-c
tỉnh xá Ngọc Đức	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 19"	107° 03' 07"					C-48-35-C-a
tỉnh xá Ngọc Xuân	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 08"	107° 03' 20"					C-48-35-C-a
ấp Phú Hà	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 14"	107° 02' 43"					C-48-35-C-a
giáo xứ Phú Hà	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 53"	107° 02' 42"					C-48-35-C-a
ấp Phú Thạnh	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 18"	107° 03' 45"					C-48-35-C-c
chùa Phước Hội	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 17"	107° 04' 08"					C-48-35-C-c
ấp Phước Hưng	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 39' 19"	107° 03' 06"					C-48-35-C-a
chùa Phước Khánh	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 45"	107° 04' 35"					C-48-35-C-a
ấp Phước Lập	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 38' 52"	107° 02' 53"					C-48-35-C-a
chùa Phước Nguyên	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 41"	107° 04' 22"					C-48-35-C-a
ấp Phước Thạnh	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 36' 57"	107° 02' 59"					C-48-35-C-c
Suối Sao	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 35' 30"	107° 06' 02"	10° 37' 03"	107° 01' 55"	C-48-35-C-c
giáo xứ Thanh Phong	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 36' 43"	107° 03' 27"					C-48-35-C-c
ấp Thị Vải	DC	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 33"	107° 03' 25"					C-48-35-C-a
cầu Thị Vải	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 16"	107° 03' 16"					C-48-35-C-c
sông Thị Vải	TV	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành			10° 38' 41"	107° 00' 44"	10° 30' 00"	106° 59' 48"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-c
khu công nghiệp B1 Tiến Hùng	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 39' 06"	107° 04' 06"					C-48-35-C-a
nhà thờ Tin Lành	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 39' 08"	107° 02' 23"					C-48-35-C-a
chùa Từ Ân	KX	xã Mỹ Xuân	H. Tân Thành	10° 37' 59"	107° 03' 13"					C-48-35-C-a
quốc lộ 51	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu công nghiệp Cái Mép	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 30' 32"	107° 01' 29"					C-48-35-C-c
rạch Cống Đồi	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 31' 46"	107° 04' 31"	10° 31' 58"	107° 02' 57"	C-48-35-C-c
Suối Đá	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 33' 41"	107° 06' 50"	10° 31' 46"	107° 04' 31"	C-48-35-C-c
rạch Giếng Muối	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 32' 49"	107° 04' 02"	10° 32' 23"	107° 03' 26"	C-48-35-C-c
Rạch Hai	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 30' 42"	107° 01' 31"	10° 30' 30"	107° 02' 18"	C-48-35-C-c
ấp Hải Sơn	DC	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 07"	107° 04' 44"					C-48-35-C-c
giáo xứ Hải Sơn	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 15"	107° 04' 29"					C-48-35-C-c
hồ Hải Sơn	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 14"	107° 04' 18"					C-48-35-C-c
ngọn Hộ Bài	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 55"	107° 01' 26"	10° 28' 31"	107° 01' 36"	C-48-47-A-a
ấp Lam Sơn	DC	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 11"	107° 04' 47"					C-48-35-C-c
chợ Lam Sơn	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 50"	107° 04' 42"					C-48-35-C-c
giáo xứ Lam Sơn	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10°31'56"	107°04'49"					C-48-35-C-c
Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 31"	107° 04' 46"					C-48-35-C-c
Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 58"	107° 04' 13"					C-48-35-C-c
tu viện Mân Côi	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 53"	107° 04' 18"					C-48-35-C-c
chùa Minh Khiết	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 46"	107° 05' 16"					C-48-35-C-c
sông Mỏ Nhát	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 34' 01"	107° 02' 48"	10° 28' 23"	107° 02' 35"	C-48-47-A-a; C-48-35-C-c
rạch Ngã Tư	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 31' 38"	107° 02' 37"	10° 31' 20"	107° 00' 40"	C-48-35-C-c
Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 23"	107° 05' 00"					C-48-35-C-c
tắc Nhận Con	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 28' 48"	107° 01' 38"	10° 28' 58"	107° 01' 01"	C-48-47-A-a
ngọn Nhu Bé	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 28' 51"	107° 01' 38"	10° 28' 33"	107° 02' 34"	C-48-47-A-a
ngọn Nhu Đầu	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 30' 28"	107° 03' 11"	10° 29' 13"	107° 02' 53"	C-48-47-A-a; C-48-35-C-c
ngọn Nhu Giữa	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 37"	107° 02' 04"	10° 29' 06"	107° 02' 46"	C-48-47-A-a
Rạch Ông	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 30' 54"	107° 03' 03"	10° 29' 39"	107° 00' 52"	C-48-35-C-c
vàm Ông Bền	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 28' 23"	107° 02' 35"	10° 28' 00"	107° 01' 55"	C-48-47-A-a
núi Ông Trịnh	SV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 34' 10"	107° 04' 42"					C-48-35-C-c
dòng Phao Lô Lam Sơn	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 51"	107° 05' 13"					C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu công nghiệp Phú Mỹ 3	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 20"	107° 03' 50"					C-48-35-C-c
chợ Phước Hoà	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 29"	107° 04' 15"					C-48-35-C-c
Trường Mầm non Phước Hoà	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 35"	107° 04' 55"					C-48-35-C-c
Trường Trung học cơ sở Phước Hoà	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 35"	107° 04' 09"					C-48-35-C-c
ấp Phước Sơn	DC	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 09"	107° 05' 13"					C-48-35-C-c
sông Tắc Lớn	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 39"	107° 00' 52"	10° 28' 43"	107° 00' 45"	C-48-47-A-a
ấp Tân Lộc	DC	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 02"	107° 05' 11"					C-48-35-C-c
đan viện Thánh Mẫu Phước Hoà	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 33' 01"	107° 04' 11"					C-48-35-C-c
sông Thị Vải	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 38' 41"	107° 00' 44"	10° 30' 00"	106° 59' 48"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-c
Rạch Tre	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 31' 46"	107° 04' 31"	10° 29' 00"	107° 05' 15"	C-48-47-A-a; C-48-35-C-c
vàm Treo Gù	TV	xã Phước Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 39"	107° 00' 52"	10° 29' 33"	107° 00' 09"	C-48-47-A-a
chùa Vạn Thông Phật Đường	KX	xã Phước Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 47"	107° 04' 15"					C-48-35-C-c
Ấp 3	DC	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 40' 06"	107° 08' 28"					C-48-35-C-b
ấp Cầu Mới	DC	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 38' 17"	107° 08' 30"					C-48-35-C-b
ấp Cầu Rì	DC	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 39' 03"	107° 08' 17"					C-48-35-C-b
Trung tâm Nghiên cứu Cây ăn quả miền Đông Nam Bộ	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 38' 19"	107° 08' 16"					C-48-35-C-b
suối Châu Pha	TV	xã Sông Xoài	H. Tân Thành			10° 42' 20"	107° 08' 32"	10° 34' 13"	107° 10' 12"	C-48-35-C-b; C-48-35-C-d
hồ Đá Đen	TV	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 37' 31"	107° 10' 02"					C-48-35-C-b
chùa Giác Hoàng	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 41' 34"	107° 08' 42"					C-48-35-C-b
đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành			10° 37' 27"	107° 03' 12"	10° 40' 01"	107° 08' 40"	C-48-35-C-a
tỉnh xá Ngọc Quang	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 39' 45"	107° 09' 41"					C-48-35-C-b
cầu Nhà Bè	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 40' 04"	107° 08' 22"					C-48-35-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hồ Nhà Bè	TV	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 40' 19"	107° 08' 13"					C-48-35-C-b
đường Nông Trường-Bàu Phụng	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành			10° 38' 19"	107° 08' 16"	10° 35' 17"	107° 08' 47"	C-48-35-C-b
ấp Phước Bình	DC	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 41' 42"	107° 08' 11"					C-48-35-C-b
miếu Quan Âm	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 40' 02"	107° 09' 37"					C-48-35-C-b
cầu Sông Xoài	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 39' 20"	107° 09' 56"					C-48-35-C-b
chợ Sông Xoài	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 40' 00"	107° 08' 55"					C-48-35-C-b
suối Sông Xoài	TV	xã Sông Xoài	H. Tân Thành			10° 45' 56"	107° 13' 58"	10° 24' 55"	107° 06' 58"	C-48-35-C-b
đường Sông Xoài-Cù Bị	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành			10° 42' 40"	107° 09' 15"	10° 40' 01"	107° 08' 40"	C-48-35-C-b
ấp Sông Xoài 1	DC	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 41' 11"	107° 09' 15"					C-48-35-C-b
ấp Sông Xoài 2	DC	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 40' 27"	107° 09' 17"					C-48-35-C-b
chùa Vạn Tuệ	KX	xã Sông Xoài	H. Tân Thành	10° 40' 29"	107° 08' 34"					C-48-35-C-b
quốc lộ 51	KX	xã Tân Hải	H. Tân Thành			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-c
cầu Ba Nanh	KX	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 28' 52"	107° 05' 28"					C-48-47-A-a
sông Bộ Hành	TV	xã Tân Hải	H. Tân Thành			10° 29' 00"	107° 05' 15"	10° 28' 42"	107° 06' 39"	C-48-47-A-a
thôn Cát Hải	DC	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 30' 10"	107° 05' 26"					C-48-35-C-c
thôn Chu Hải	DC	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 30' 00"	107° 06' 49"					C-48-35-C-c
Suối Đá	TV	xã Tân Hải	H. Tân Thành			10° 32' 52"	107° 07' 51"	10° 29' 47"	107° 06' 16"	C-48-35-C-c; C-48-35-C-d
Núi Dinh	SV	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 32' 19"	107° 07' 54"					C-48-35-C-d
thôn Đông Hải	DC	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 30' 22"	107° 07' 08"					C-48-47-A-a
đường Hoàng Sa	KX	xã Tân Hải	H. Tân Thành			10° 30' 03"	107° 05' 55"	10° 27' 56"	107° 05' 21"	C-48-47-A-a
thôn Láng Cát	DC	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 30' 25"	107° 05' 29"					C-48-35-C-c
sông Long Hoà	TV	xã Tân Hải	H. Tân Thành			10° 28' 42"	107° 06' 39"	10° 29' 09"	107° 08' 13"	C-48-47-A-a
thôn Nam Hải	DC	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 30' 00"	107° 07' 16"					C-48-35-C-c
thôn Phước Hải	DC	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 30' 09"	107° 06' 34"					C-48-35-C-c
cầu Rạch Ván	KX	xã Tân Hải	H. Tân Thành	10° 29' 57"	107° 06' 23"					C-48-47-A-a
suối Rạch Ván	TV	xã Tân Hải	H. Tân Thành			10° 29' 55"	107° 05' 59"	10° 28' 38"	107° 06' 22"	C-48-47-A-a
Rạch Tre	TV	xã Tân Hải	H. Tân Thành			10° 31' 46"	107° 04' 31"	10° 29' 00"	107° 05' 15"	C-48-47-A-a; C-48-35-C-c
quốc lộ 51	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-c
núi Bao Quan	SV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 38' 28"	107° 07' 51"					C-48-35-C-d
chùa Bồng Lai	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 18"	107° 05' 15"					C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Cá Cóc	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 34' 01"	107° 02' 48"	10° 28' 23"	107° 02' 35"	C-48-47-A-a; C-48-35-C-c
ngọn Cá Xép	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 13"	107° 04' 41"	10° 28' 52"	107° 03' 47"	C-48-47-A-a
Núi Dinh	SV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 19"	107° 07' 54"					C-48-35-C-d
Tắc Hào	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 29"	107° 03' 40"	10° 29' 04"	107° 03' 57"	C-48-47-A-a
đường Hội Bài-Tóc Tiên	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 35' 29"	107° 07' 51"	10° 30' 59"	107° 04' 53"	C-48-35-C-c
chùa Hưng Sơn	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 30' 56"	107° 04' 57"					C-48-35-C-c
đền thờ Hùng Vương	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 00"	107° 05' 03"					C-48-35-C-c
thiền đường Liễu Quán 2	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 27"	107° 05' 39"					C-48-35-C-c
Linh Sơn Cổ Tự	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 05"	107° 05' 07"					C-48-35-C-c
ngọn Lưu Thuyền	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 30' 02"	107° 04' 28"	10° 29' 36"	107° 03' 14"	C-48-47-A-a
tỉnh xá Ngọc Lâm	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 06"	107° 06' 32"					C-48-35-C-c
tỉnh xá Ngọc Sơn Dinh	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 01"	107° 06' 40"					C-48-35-C-c
rạch Ngọn Ông Mến	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 40"	107° 04' 39"	10° 29' 14"	107° 05' 19"	C-48-47-A-a
khu Di tích Núi Dinh	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 01"	107° 07' 03"					C-48-35-C-c
thôn Phước Hiệp	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 18"	107° 04' 51"					C-48-35-C-c
đình thần Phước Hoà	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 04"	107° 05' 04"					C-48-35-C-c
thôn Phước Long	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 03"	107° 05' 03"					C-48-35-C-c
thôn Phước Tấn	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 27"	107° 05' 25"					C-48-35-C-c
thôn Phước Thành	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 32' 24"	107° 06' 21"					C-48-35-C-c
Sông Rạng	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 00"	107° 05' 15"	10° 28' 23"	107° 02' 35"	C-48-47-A-a
tắc So Đũa	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 29' 18"	107° 02' 58"	10° 28' 52"	107° 03' 46"	C-48-47-A-a
chợ Tân Hoà	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 10"	107° 05' 07"					C-48-35-C-c
Trường Mầm non Tân Hoà	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 13"	107° 05' 04"					C-48-35-C-c
chùa Tổ Đình Linh Sơn 1	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 38"	107° 07' 04"					C-48-35-C-c
chùa Tổ Đình Linh Sơn 2	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Thành	10° 31' 25"	107° 04' 57"					C-48-35-C-c
Rạch Tre	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Thành			10° 31' 46"	107° 04' 31"	10° 29' 00"	107° 05' 15"	C-48-47-A-a; C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 51	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 39' 24"	107° 02' 12"	10° 22' 11"	107° 04' 54"	C-48-35-C-c
Miếu Bà	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 32' 49"	107° 01' 46"					C-48-35-C-c
chùa Bà Hai	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 03"	107° 04' 36"					C-48-35-C-c
rạch Ba Sinh	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 35' 01"	107° 05' 21"	10° 33' 16"	107° 03' 00"	C-48-35-C-c
rạch Bàn Thạch	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 33' 57"	107° 01' 42"	10° 32' 48"	107° 01' 25"	C-48-35-C-c
rạch Bót Đỏ	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 32' 56"	107° 02' 40"	10° 32' 17"	107° 02' 59"	C-48-35-C-c
sông Cá Cóc	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 34' 01"	107° 02' 48"	10° 28' 23"	107° 02' 35"	C-48-47-A-a; C-48-35-C-c
chùa Chuẩn Đề	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 33' 59"	107° 03' 30"					C-48-35-C-c
cảng Đức Hạnh	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 33' 20"	107° 03' 08"					C-48-35-C-c
rạch Giếng Muối	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 32' 49"	107° 04' 02"	10° 32' 23"	107° 03' 26"	C-48-35-C-c
tịnh xá Minh Tâm	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 38"	107° 03' 08"					C-48-35-C-c
rạch Ngã Tư	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 31' 38"	107° 02' 37"	10° 31' 20"	107° 00' 40"	C-48-35-C-c
tịnh xá Ngọc Phật	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 43"	107° 04' 11"					C-48-35-C-c
chùa Ngọc Quang	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 39"	107° 03' 05"					C-48-35-C-c
chùa Ngọc Tăng	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 35"	107° 04' 18"					C-48-35-C-c
rạch Ngọn Cù	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 32' 18"	107° 01' 60"	10° 31' 35"	107° 02' 04"	C-48-35-C-c
ấp Ông Trịnh	DC	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 01"	107° 03' 09"					C-48-35-C-c
núi Ông Trịnh	SV	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 10"	107° 04' 42"					C-48-35-C-c
rạch Ông Trịnh	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 33' 16"	107° 03' 00"	10° 32' 51"	107° 01' 43"	C-48-35-C-c
tịnh thất Pháp Hoa	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 40"	107° 03' 50"					C-48-35-C-c
xí nghiệp Đá Phước Hoà	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 33' 26"	107° 04' 01"					C-48-35-C-c
ấp Phước Lộc	DC	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 33' 20"	107° 03' 57"					C-48-35-C-c
giáo xứ Phước Lộc	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 33' 12"	107° 04' 01"					C-48-35-C-c
ấp Song Vĩnh	DC	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 31"	107° 03' 36"					C-48-35-C-c
giáo xứ Song Vĩnh	KX	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 34' 23"	107° 03' 13"					C-48-35-C-c
núi Thị Vải	SV	xã Tân Phước	H. Tân Thành	10° 35' 28"	107° 05' 27"					C-48-35-C-c
sông Thị Vải	TV	xã Tân Phước	H. Tân Thành			10° 38' 41"	107° 00' 44"	10° 30' 00"	106° 59' 48"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-c
Ấp 1	DC	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 37' 07"	107° 07' 13"					C-48-35-C-c
Ấp 2	DC	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 36' 14"	107° 07' 19"					C-48-35-C-c
Ấp 3	DC	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 35' 31"	107° 07' 43"					C-48-35-C-c
Ấp 4	DC	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 34' 38"	107° 07' 14"					C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Ấp 5	DC	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 37' 34"	107° 05' 11"					C-48-35-C-a
Ấp 6	DC	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 36' 33"	107° 05' 28"					C-48-35-C-c
đồi 42	SV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 35' 07"	107° 07' 59"					C-48-35-C-d
núi Bao Quan	SV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 38' 28"	107° 07' 51"					C-48-35-C-d
hồ Châu Pha	TV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 36' 34"	107° 08' 01"					C-48-35-C-d
Suối Đá	TV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 33' 41"	107° 06' 49"	10° 31' 46"	107° 04' 31"	C-48-35-C-c
suối Giao Kèo	TV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 33' 48"	107° 06' 39"	10° 34' 56"	107° 09' 12"	C-48-35-C-c; C-48-35-C-d
đường Hắc Dịch-Tóc Tiên-Châu Pha	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 38' 36"	107° 07' 16"	10° 35' 17"	107° 08' 47"	C-48-35-C-c
đường Hội Bài-Tóc Tiên-Châu Pha	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 35' 29"	107° 07' 51"	10° 30' 59"	107° 04' 53"	C-48-35-C-a
nghĩa địa huyện Tân Thành	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 34' 59"	107° 07' 19"					C-48-35-C-c
Suối Lợi	TV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 37' 43"	107° 06' 31"	10° 37' 28"	107° 04' 21"	C-48-35-C-c
đập Mù U	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 35' 48"	107° 07' 07"					C-48-35-C-c
Rạch Mương	TV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 36' 44"	107° 06' 05"	10° 36' 39"	107° 00' 41"	C-48-35-C-a; C-48-35-C-b
đường Phú Mỹ-Tóc Tiên	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 35' 55"	107° 03' 11"	10° 36' 30"	107° 07' 08"	C-48-35-C-c
Suối Sao	TV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành			10° 35' 30"	107° 06' 02"	10° 37' 03"	107° 01' 55"	C-48-35-C-c
núi Thị Vải	SV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 35' 28"	107° 05' 27"					C-48-35-C-c
khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 34' 48"	107° 07' 42"					C-48-35-C-c
chợ Tóc Tiên	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 36' 05"	107° 07' 25"					C-48-35-C-c
núi Tóc Tiên	SV	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 35' 08"	107° 06' 18"					C-48-35-C-c
giáo xứ Xuân Hà	KX	xã Tóc Tiên	H. Tân Thành	10° 37' 10"	107° 07' 13"					C-48-35-C-c
quốc lộ 55	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-36-C-c; C-48-47-A-b+d
đường 27 tháng 4	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc			10° 31' 52"	107° 23' 35"	10° 32' 38"	107° 24' 51"	C-48-35-D-d
công ty trách nhiệm hữu hạn Đồng Tháp Mười	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 31' 52"	107° 24' 22"					C-48-35-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Hoà	TV	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc			10° 33' 04"	107° 26' 10"	10° 30' 56"	107° 24' 09"	C-48-35-D-d
giáo xứ Hoà Phước	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 31' 59"	107° 23' 32"					C-48-35-D-d
Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Xuyên Mộc	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 27"	107° 24' 39"					C-48-35-D-d
Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 24"	107° 24' 40"					C-48-35-D-d
sân vận động huyện Xuyên Mộc	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 13"	107° 24' 13"					C-48-35-D-d
bưu điện huyện Xuyên Mộc	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 13"	107° 24' 08"					C-48-35-D-d
khu phố Láng Sim	DC	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 08"	107° 24' 20"					C-48-35-D-d
khu phố Phước An	DC	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 31' 44"	107° 23' 51"					C-48-35-D-d
chùa Phước Duyên	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 31' 45"	107° 24' 05"					C-48-35-D-d
khu phố Phước Hoà	DC	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 10"	107° 23' 41"					C-48-35-D-d
khu phố Phước Lộc	DC	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 34"	107° 24' 45"					C-48-35-D-d
khu phố Phước Tiến	DC	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 02"	107° 24' 19"					C-48-35-D-d
cầu Sông Kinh	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 30' 47"	107° 24' 08"					C-48-35-D-d
hồ Sông Kinh	TV	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 30' 55"	107° 24' 25"					C-48-35-D-d
khu phố Thạnh Sơn	DC	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 03"	107° 23' 59"					C-48-35-D-d
chợ thị trấn Phước Bửu	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 09"	107° 23' 55"					C-48-35-D-d
chi hội Tin lành	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 06"	107° 23' 59"					C-48-35-D-d
đường Võ Thị Sáu	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc			10° 45' 41"	107° 23' 28"	10° 32' 10"	107° 23' 51"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-b
khu phố Xóm Rẫy	DC	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 31' 21"	107° 24' 13"					C-48-35-D-d
Trường Trung học phổ thông Xuyên Mộc	KX	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 23"	107° 24' 26"					C-48-35-D-d
hồ Xuyên Mộc	TV	TT. Phước Bửu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 35"	107° 24' 11"					C-48-35-D-d
Ấp 1	DC	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 39"	107° 23' 17"					C-48-35-D-b
Ấp 3	DC	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 40' 44"	107° 23' 04"					C-48-35-D-b
Ấp 4	DC	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 32' 58"	107° 29' 32"					C-48-35-D-b
đường tỉnh 328	KX	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 45' 41"	107° 23' 28"	10° 32' 10"	107° 23' 51"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp 2 Đông	DC	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 10"	107° 22' 54"					C-48-35-D-b
ấp 2 Tây	DC	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 07"	107° 22' 13"					C-48-35-D-b
ấp 2B	DC	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 09"	107° 23' 06"					C-48-35-D-b
ấp 3B	DC	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 40' 50"	107° 26' 56"					C-48-35-D-b
suối Bòn Bon	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 41' 58"	107° 22' 31"	10° 40' 36"	107° 21' 24"	C-48-45-D-b; C-48-35-D-a
suối Dân Y	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 41' 53"	107° 24' 30"	10° 37' 30"	107° 25' 57"	C-48-35-D-b
nông trường cao su Hoà Bình 2	KX	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 40' 41"	107° 23' 51"					C-48-35-D-b
giáo xứ Hoà Lâm	KX	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 40' 50"	107° 23' 26"					C-48-35-D-b
Suối Le	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 41' 51"	107° 23' 57"	10° 39' 27"	107° 26' 02"	C-48-35-D-b
Suối Lê	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 42' 33"	107° 23' 55"	10° 43' 16"	107° 21' 29"	C-48-45-D-b; C-48-35-D-a
Bàu Non	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 01"	107° 26' 31"					C-48-35-D-b
suối Nùng Tung	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 41' 51"	107° 23' 17"	10° 40' 36"	107° 21' 24"	C-48-45-D-b; C-48-35-D-a
Sông Ray	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-a
hồ Sông Ray	TV	xã Bàu Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 36"	107° 21' 12"					C-48-35-D-a
quốc lộ 55	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-36-C-c; C-48-47-A-b+d
Suối Bang	TV	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc			10° 45' 25"	107° 29' 21"	10° 37' 01"	107° 33' 57"	C-48-36-C-a; C-48-36-C-c
ấp Bến Lợi	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 14"	107° 32' 50"					C-48-36-C-c
ấp Bình An	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 34' 01"	107° 33' 16"					C-48-36-C-c
công ty Chế biến Thủy sản đông lạnh Bình Châu	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 03"	107° 32' 56"					C-48-36-C-c
giáo xứ Bình Châu	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 34"	107° 32' 16"					C-48-36-C-c
Hạt Kiểm lâm Bình Châu	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 34' 56"	107° 32' 58"					C-48-36-C-c
khu du lịch Suối nước nóng Bình Châu	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 36' 07"	107° 33' 15"					C-48-36-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chợ Bình Châu	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 23"	107° 32' 49"					C-48-36-C-c
ấp Bình Hải	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 37"	107° 32' 37"					C-48-36-C-c
ấp Bình Hoà	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 53"	107° 32' 32"					C-48-36-C-c
ấp Bình Minh	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 32"	107° 32' 46"					C-48-36-C-c
ấp Bình Tân	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 04"	107° 32' 42"					C-48-36-C-c
ấp Bình Thắng	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 37' 14"	107° 33' 06"					C-48-36-C-c
ấp Bình Tiến	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 35' 04"	107° 32' 05"					C-48-36-C-c
ấp Bình Trung	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 49"	107° 32' 22"					C-48-36-C-c
tịnh thất Bửu Hạnh	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 43"	107° 32' 18"					C-48-36-C-c
chùa Bửu Lâm Tự	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 25"	107° 32' 43"					C-48-36-C-c
suối Đàm La	TV	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc			10° 42' 37"	107° 28' 20"	10° 38' 43"	107° 31' 51"	C-48-35-D-b; C-48-36-C-a
cầu Hồ Đắc	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 31' 23"	107° 31' 17"					C-48-36-C-c
núi Hồ Linh	SV	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 30' 32"	107° 30' 46"					C-48-36-C-c
núi Hồng Nhung	SV	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 36' 02"	107° 30' 35"					C-48-36-C-c
ấp Khu 1	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 35' 08"	107° 33' 37"					C-48-36-C-c
ấp Láng Găng	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 34' 27"	107° 31' 26"					C-48-36-C-c
khu nghỉ dưỡng Long Châu	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 36' 33"	107° 33' 37"					C-48-36-C-c
cầu Một Ngàn	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 38' 24"	107° 32' 31"					C-48-36-C-c
Suối Nhỏ	TV	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc			10° 33' 40"	107° 31' 01"	10° 34' 31"	107° 33' 32"	C-48-36-C-c
cầu Nước Mặn	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 34' 53"	107° 34' 03"					C-48-36-C-c
cầu Suối Đá	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 34' 09"	107° 32' 45"					C-48-36-C-c
cầu Suối Đá 2	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 34' 31"	107° 33' 32"					C-48-36-C-c
ấp Thanh Bình 1	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 25"	107° 32' 36"					C-48-36-C-c
ấp Thanh Bình 2	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 30"	107° 32' 02"					C-48-36-C-c
ấp Thanh Bình 3	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 33' 10"	107° 32' 34"					C-48-36-C-c
nhà nghỉ dưỡng Lão thành phố Hồ Chí Minh	KX	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 35' 02"	107° 33' 40"					C-48-36-C-c
ấp Thèo Nèo	DC	xã Bình Châu	H. Xuyên Mộc	10° 32' 48"	107° 31' 07"					C-48-36-C-c
quốc lộ 55	KX	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-36-C-c; C-48-47-A-b+d
giáo xứ Bông Trang	KX	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 15"	107° 27' 32"					C-48-35-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Cạn	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 32' 57"	107° 27' 06"	10° 29' 21"	107° 11' 21"	C-48-35-D-d
Suối Cát	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 40' 38"	107° 23' 16"	10° 33' 04"	107° 26' 10"	C-48-35-D-d
suối Cát 2	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 34' 343"	107° 27' 50"	10° 33' 06"	107° 26' 24"	C-48-35-D-d
Suối Đá	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 41' 53"	107° 24' 30"	10° 29' 39"	107° 22' 30"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
núi Đá Dắt	SV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 31' 06"	107° 27' 47"					C-48-35-D-d
Sông Hoà	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 33' 04"	107° 26' 10"	10° 30' 56"	107° 24' 09"	C-48-35-D-d
suối La Gum	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 36' 31"	107° 28' 22"	10° 34' 34"	107° 27' 50"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
chùa Quảng Đức-Bông Trang	KX	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 07"	107° 27' 14"					C-48-35-D-d
cầu Sông Hoà	KX	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 32' 529"	107° 25' 54"					C-48-35-D-d
hồ Sông Hoà	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 34' 34"	107° 27' 50"					C-48-35-D-d
cầu Suối Cát 1	KX	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 09"	107° 26' 17"					C-48-35-D-d
cầu Suối Cát 2	KX	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 12"	107° 26' 13"					C-48-35-D-d
Suối Súp	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 31' 36"	107° 26' 27"	10° 31' 37"	107° 25' 30"	C-48-35-D-d
ấp Trang Định	DC	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 15"	107° 27' 53"					C-48-35-D-d
ấp Trang Nghiêm	DC	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 19"	107° 27' 24"					C-48-35-D-d
ấp Trang Hoàng	DC	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 22"	107° 26' 52"					C-48-35-D-d
ấp Trang Hùng	DC	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 08"	107° 27' 34"					C-48-35-D-d
ấp Trang Trí	DC	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc	10° 33' 06"	107° 26' 56"					C-48-35-D-d
Suối Ụ	TV	xã Bông Trang	H. Xuyên Mộc			10° 35' 14"	107° 27' 28"	10° 33' 53"	107° 26' 26"	C-48-35-D-d
Ấp 1	DC	xã Bung Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 33' 07"	107° 28' 47"					C-48-35-D-d
Ấp 2	DC	xã Bung Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 33' 27"	107° 29' 08"					C-48-35-D-d
Ấp 3	DC	xã Bung Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 33' 06"	107° 29' 14"					C-48-35-D-d
Ấp 4	DC	xã Bung Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 33' 03"	107° 29' 52"					C-48-35-D-d
quốc lộ 55	KX	xã Bung Riềng	H. Xuyên Mộc			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d; C-48-36-C-c
chốt biên phòng 492	KX	xã Bung Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 30' 09"	107° 27' 59"					C-48-35-D-d
khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu	KX	xã Bung Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 29' 40"	107° 26' 33"					C-48-35-D-d; C-48-65-C-c; C-48-47-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Nhà máy Xử lý rác Bưng Riềng	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 34' 27"	107° 30' 18"					C-48-36-C-c
Trường Phổ thông trung học Bưng Riềng	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 33' 13"	107° 30' 01"					C-48-36-C-c
đường Bưng Riềng-Hồ Cốc	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc			10° 33' 12"	107° 28' 58"	10° 29' 59"	107° 28' 14"	C-48-35-D-d
chùa Bửu Lâm	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 32' 58"	107° 29' 14"					C-48-35-D-d
Núi Đá	SV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 31' 04"	107° 29' 23"					C-48-35-D-d
Suối Đá	TV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc			10° 36' 31"	107° 29' 30"	10° 32' 03"	107° 29' 51"	C-48-35-D-d
núi Đá Dắt	SV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 31' 06"	107° 27' 47"					C-48-35-D-d
núi Hai Cô 1	SV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 30' 31"	107° 30' 21"					C-48-36-C-c
trạm Hải Đăng Ba Kiềm	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 30' 45"	107° 30' 05"					C-48-36-C-c
núi Hồ Linh	SV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 30' 43"	107° 30' 05"					C-48-36-C-c
giáo xứ Hoà An	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 33' 14"	107° 29' 07"					C-48-35-D-d
khu du lịch Hương Phong	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 29' 57"	107° 28' 09"					C-48-35-B-b
Bàu Nhám	TV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 32' 49"	107° 29' 17"					C-48-35-D-d
bưng Ông Xềng	SV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 31' 01"	107° 30' 26"					C-48-36-C-c
khu du lịch Sài Gòn-Bình Châu	KX	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 29' 57"	107° 28' 25"					C-48-35-D-d
núi Tầm Bò	SV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 30' 29"	107° 29' 15"					C-48-35-D-d
Bàu Tròn	TV	xã Bưng Riềng	H. Xuyên Mộc	10° 32' 58"	107° 29' 32"					C-48-35-D-d
Ấp 1	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 36' 55"	107° 22' 45"					C-48-35-D-d
Ấp 2	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 37' 15"	107° 22' 13"					C-48-35-D-c
Ấp 3	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 37' 25"	107° 22' 43"					C-48-35-D-d
Ấp 4	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 37' 51"	107° 22' 15"					C-48-35-D-a
Ấp 5	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 38' 17"	107° 22' 13"					C-48-35-D-a
Ấp 6	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 35' 48"	107° 23' 04"					C-48-35-D-d
Ấp 7	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 37' 56"	107° 22' 42"					C-48-35-D-b
Ấp 8	DC	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 37' 57"	107° 22' 25"					C-48-35-D-a
đường tỉnh 328	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc			10° 45' 41"	107° 23' 28"	10° 32' 10"	107° 23' 51"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-b
chùa Bình Quan	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 37' 33"	107° 22' 00"					C-48-35-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Chùa	TV	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc			10° 38' 24"	107° 23' 36"	10° 35' 36"	107° 25' 29"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
Suối Đá	TV	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc			10° 40' 38"	107° 23' 16"	10° 38' 48"	107° 25' 10"	C-48-35-D-b
Suối Gạo	TV	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc			10° 38' 22"	107° 24' 13"	10° 36' 37"	107° 24' 54"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
Suối Gấu	TV	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc			10° 38' 06"	107° 24' 07"	10° 36' 05"	107° 25' 20"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
nhà máy Chế biến Mủ cao su Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 38' 23"	107° 22' 09"					C-48-35-D-a
công ty cổ phần Cao su Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 35' 44"	107° 23' 46"					C-48-35-D-d
Trường Trung học phổ thông Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 36' 59"	107° 22' 31"					C-48-35-D-d
thác Hoà Bình *	TV	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 38' 02"	107° 21' 20"					C-48-36-D-a
giáo xứ Hoà Xuân	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 37' 24"	107° 22' 16"					C-48-35-D-c
Suối Ly	TV	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc			10° 38' 28"	107° 22' 29"	10° 37' 24"	107° 22' 30"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
Sông Ray	TV	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-47-B-a; C-48-35-B-d
cầu Sông Ray	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 38' 30"	107° 21' 52"					C-48-35-D-a
chùa Viên Quan	KX	xã Hoà Bình	H. Xuyên Mộc	10° 36' 11"	107° 22' 56"					C-48-35-D-d
đường tỉnh 329	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 33' 57"	107° 25' 19"	10° 42' 53"	107° 30' 29"	C-48-36-C-a; C-48-35-D-b
Suối Bang	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 45' 25"	107° 29' 21"	10° 37' 01"	107° 33' 57"	C-48-36-C-a; C-48-36-C-c
chùa Bảo Quang	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 36"	107° 30' 30"					C-48-36-C-a
Bào Bàu	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 58"	107° 27' 29"					C-48-35-D-b
Suối Các	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 45' 25"	107° 29' 21"	10° 43' 29"	107° 29' 34"	C-48-35-B-d; C-48-35-D-b
suối Cầu 4	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 40' 56"	107° 27' 29"	10° 38' 31"	107° 29' 07"	C-48-35-D-b
suối Cầu 5	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 42' 37"	107° 28' 20"	10° 38' 43"	107° 31' 51"	C-48-35-D-b
suối Cầu Sáu	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 42' 20"	107° 30' 09"	10° 39' 14"	107° 31' 52"	C-48-36-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Đàm La	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 42' 37"	107° 28' 20"	10° 38' 43"	107° 31' 51"	C-48-35-C-a; C-48-35-D-b
sông Đu Đủ	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 42' 44"	107° 32' 19"	10° 37' 30"	107° 33' 47"	C-48-36-C-a
nông trường cao su Hoà Lâm	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 44"	107° 27' 39"					C-48-35-D-b
giáo xứ Hoà Thuận	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 25"	107° 29' 45"					C-48-35-D-b
núi Mây Tàu	SV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 46' 23"	107° 30' 18"					C-48-36-A-c
ấp Phú Bình	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 28"	107° 30' 08"					C-48-36-C-a
ấp Phú Hoà	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 37"	107° 29' 40"					C-48-36-C-c
ấp Phú Lâm	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 40' 28"	107° 41' 54"					C-48-36-C-c
ấp Phú Lộc	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 23"	107° 28' 49"					C-48-35-D-b
ấp Phú Quý	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 40' 38"	107° 28' 24"					C-48-35-D-b
ấp Phú Sơn	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 40' 57"	107° 31' 37"					C-48-36-C-c
ấp Phú Tài	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 05"	107° 28' 46"					C-48-35-D-b
ấp Phú Tâm	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 39"	107° 30' 07"					C-48-36-C-c
ấp Phú Thiện	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 36"	107° 30' 18"					C-48-36-C-a
ấp Phú Thọ	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 18"	107° 29' 15"					C-48-35-D-b
ấp Phú Vinh	DC	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 42' 13"	107° 30' 36"					C-48-36-C-a
cầu Số 4	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 40' 16"	107° 28' 07"					C-48-35-D-b
cầu Số 5	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 40' 48"	107° 28' 42"					C-48-35-D-b
cầu Số 6	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 41' 37"	107° 30' 26"					C-48-36-C-a
hồ Suối Các	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 42' 19"	107° 29' 32"					C-48-35-D-b
suối Tà Răng	TV	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc			10° 44' 58"	107° 29' 57"	10° 42' 44"	107° 32' 19"	C-48-36-C-a
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 39' 54"	107° 30' 16"					C-48-36-C-a
Trung tâm Hướng nghiệp và Dạy nghề tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	KX	xã Hoà Hiệp	H. Xuyên Mộc	10° 39' 25"	107° 31' 17"					C-48-36-C-a
Ấp 1	DC	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 35' 18"	107° 25' 54"					C-48-35-D-d
Ấp 2	DC	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 37' 10"	107° 25' 49"					C-48-35-D-d
Ấp 3	DC	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 36' 57"	107° 26' 15"					C-48-35-D-d
Ấp 4	DC	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 37' 56"	107° 26' 39"					C-48-35-D-d
Ấp 5	DC	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 39' 23"	107° 27' 36"					C-48-35-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Áp 6	DC	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 37' 39"	107° 25' 45"					C-48-35-D-d
Áp 7	DC	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 39' 42"	107° 26' 14"					C-48-35-D-b
đường tỉnh 329	KX	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 33' 57"	107° 25' 19"	10° 42' 53"	107° 30' 29"	C-48-36-C-a; C-48-35-D-b
Suối Cát	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 40' 38"	107° 23' 16"	10° 33' 04"	107° 26' 10"	C-48-35-D-d
suối Cầu 3	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 40' 01"	107° 26' 29"	10° 39' 17"	107° 26' 52"	C-48-35-D-b
suối Cầu 4	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 40' 56"	107° 27' 29"	10° 38' 31"	107° 29' 07"	C-48-35-D-b
Suối Chua	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 38' 24"	107° 23' 36"	10° 35' 36"	107° 25' 29"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
suối Dân Y	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 41' 53"	107° 24' 30"	10° 37' 30"	107° 25' 57"	C-48-35-D-b
Suối Đá	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 38' 17"	107° 26' 52"	10° 34' 34"	107° 27' 50"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
Suối Đồn	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 34' 55"	107° 24' 09"	10° 35' 18"	107° 25' 37"	C-48-35-D-d
Suối Gạo	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 38' 22"	107° 24' 13"	10° 36' 37"	107° 24' 54"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
Suối Gấu	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 38' 06"	107° 24' 07"	10° 36' 05"	107° 25' 20"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
công ty cổ phần Cao su Hoà Bình	KX	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 39' 40"	107° 27' 09"					C-48-35-D-b
giáo xứ Hoà Hội	KX	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 37' 01"	107° 26' 18"					C-48-35-D-b
suối La Gum	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 36' 31"	107° 28' 22"	10° 34' 34"	107° 27' 50"	C-48-35-D-b; C-48-35-D-d
chùa Phổ Quang Hoà Hội	KX	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 36' 43"	107° 26' 13"					C-48-35-D-b
cầu Số 1	KX	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 35' 08"	107° 25' 49"					C-48-35-D-d
cầu Số 3	KX	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 37' 56"	107° 26' 55"					C-48-35-D-d
cầu Số 4	KX	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc	10° 40' 16"	107° 28' 07"					C-48-35-D-b
Suối Sóc	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 40' 38"	107° 23' 16"	10° 36' 05"	107° 25' 20"	C-48-35-D-d
Suối Ụ	TV	xã Hoà Hội	H. Xuyên Mộc			10° 35' 14"	107° 27' 28"	10° 33' 53"	107° 26' 26"	C-48-35-D-d
Áp 1	DC	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 39' 51"	107° 22' 54"					C-48-35-D-b
Áp 2	DC	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 39' 57"	107° 23' 08"					C-48-35-D-b
Áp 3	DC	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 39' 25"	107° 22' 51"					C-48-35-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh 328	KX	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc			10° 45' 41"	107° 23' 28"	10° 32' 10"	107° 23' 51"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-b
ấp 4A	DC	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 38' 48"	107° 22' 39"					C-48-35-D-b
ấp 4B	DC	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc							C-48-35-D-b
Suối Đá	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc			10° 39' 53"	107° 23' 16"	10° 38' 48"	107° 25' 10"	C-48-35-D-b
suối Dân Y	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc			10° 41' 53"	107° 24' 30"	10° 37' 30"	107° 25' 57"	C-48-35-D-b
công ty cổ phần Cao su Hoà Bình	KX	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 39' 44"	107° 25' 21"					C-48-35-D-b
giáo xứ Hoà Hưng	KX	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 39' 27"	107° 22' 44"					C-48-35-D-b
Suối Le	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc			10° 41' 51"	107° 23' 57"	10° 39' 27"	107° 26' 02"	C-48-35-D-b
Bàu Mo	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 39' 08"	107° 23' 04"					C-48-35-D-b
suối Nùng Tung	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc			10° 41' 51"	107° 23' 17"	10° 40' 36"	107° 21' 24"	C-48-45-D-b; C-48-35-D-a
Sông Ray	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-47-B-a; C-48-35-B-d
Bàu Sen	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 38' 42"	107° 23' 46"					C-48-35-D-b
hồ Sông Ray	TV	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 41' 36"	107° 21' 12"					C-48-35-D-a
chùa Viên Hưng	KX	xã Hoà Hưng	H. Xuyên Mộc	10° 39' 32"	107° 23' 07"					C-48-35-D-b
đường tỉnh 328	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc			10° 45' 41"	107° 23' 28"	10° 32' 10"	107° 23' 51"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-b
ấp Bà Rịa	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 33' 12"	107° 23' 01"					C-48-35-D-d
đường Bình Ba Đá Bạc- Phước Tân Xuyên Mộc	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc			10° 34' 20"	107° 21' 01"	10° 33' 01"	107° 26' 26"	C-48-35-D-c
tịnh thất Bửu Thọ	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 33' 39"	107° 22' 51"					C-48-35-D-d
suối Cây Da	TV	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc			10° 34' 24"	107° 24' 02"	10° 32' 58"	107° 24' 19"	C-48-35-D-c
Đồi Đá	SV	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 33' 38"	107° 21' 45"					C-48-35-D-c
Suối Đồn	TV	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc			10° 34' 55"	107° 24' 09"	10° 35' 18"	107° 25' 37"	C-48-35-D-d
công ty cổ phần Cao su Hoà Bình	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 34' 27"	107° 23' 07"					C-48-35-D-c
giáo xứ Hoà Sơn	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 34' 10"	107° 22' 49"					C-48-35-D-d
giáo xứ Hoà Tân	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 32' 41"	107° 23' 35"					C-48-35-D-d
chùa Kim Sơn Tự	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 33' 27"	107° 23' 01"					C-48-35-D-d
Núi Lá	SV	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 33' 02"	107° 22' 58"					C-48-35-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh N1	TV	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc			10° 32' 03"	107° 23' 19"	10° 31' 53"	107° 22' 15"	C-48-35-D-c
Sông Ray	TV	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-47-B-a; C-48-35-B-d
cầu Sông Ray	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 34' 20"	107° 21' 01"					C-48-35-D-c
đập Sông Ray	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 32' 40"	107° 21' 39"					C-48-35-D-c
ấp Tân An	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 34' 34"	107° 23' 14"					C-48-35-D-d
sân vận động Tân An	KX	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 34' 55"	107° 23' 13"					C-48-35-D-d
ấp Tân Rú	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 34' 23"	107° 21' 30"					C-48-35-D-c
ấp Tân Trung	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 32' 10"	107° 23' 16"					C-48-35-D-d
ấp Thanh Sơn 2A	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 32' 59"	107° 23' 36"					C-48-35-D-d
ấp Thanh Sơn 2B	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 33' 17"	107° 23' 12"					C-48-35-D-d
ấp Thanh Sơn 3	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 33' 51"	107° 23' 02"					C-48-35-D-d
ấp Thanh Sơn 4	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 34' 22"	107° 22' 56"					C-48-35-D-d
ấp Việt Kiều	DC	xã Phước Tân	H. Xuyên Mộc	10° 32' 38"	107° 23' 36"					C-48-35-D-d
quốc lộ 55	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d; C-48-36-C-c
đường tỉnh 328	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 45' 41"	107° 23' 28"	10° 32' 10"	107° 23' 51"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-b
ấp Bến Cát	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 28' 26"	107° 22' 08"					C-48-47-B-a
rạch Bến Cát	TV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 28' 50"	107° 22' 24"	10° 28' 33"	107° 22' 02"	C-48-47-B-a
khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 29' 40"	107° 26' 33"					C-48-35-D-d; C-48-65-C-c; C-48-47-B-b
Cầu Dài	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 31' 33"	107° 22' 37"					C-48-35-D-d
Núi Giữa	SV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 30' 50"	107° 25' 05"					C-49-14-B-c
ấp Gò Cà	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 29' 52"	107° 24' 22"					C-48-47-B-b
ấp Gò Cát	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 31' 10"	107° 22' 26"					C-48-35-D-d
ấp Hồ Tràm	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 28' 41"	107° 25' 27"					C-48-47-B-b
khu du lịch Hồ Tràm	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 28' 20"	107° 26' 14"					C-48-47-B-b
suối Hồ Tràm	TV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 28' 29"	107° 24' 12"	10° 28' 31"	107° 25' 42"	C-48-47-B-b
Sông Hoà	TV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 33' 04"	107° 26' 10"	10° 30' 56"	107° 24' 09"	C-48-35-D-d
Núi Kho	SV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 30' 32"	107° 24' 58"					C-49-14-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Kinh	TV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 30' 56"	107° 24' 09"	10° 29' 39"	107° 22' 30"	C-48-35-D-d; C-48-47-B-b
Núi Le	SV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 31' 16"	107° 23' 37"					C-49-14-B-c
khu du lịch Lộc An	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 28' 13"	107° 22' 51"					C-48-47-B-b
núi Mộ Ông	SV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 30' 59"	107° 25' 01"					C-49-14-A-d
kênh N1	TV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 32' 03"	107° 23' 19"	10° 31' 53"	107° 22' 15"	C-48-35-D-c
ấp Ông Tô	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 30' 13"	107° 22' 47"					C-48-35-D-d
đồn biên phòng Phước Thuận	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 28' 25"	107° 26' 14"					C-48-47-B-b
đình liệt sĩ Phước Thuận-Phước Bửu	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 30' 53"	107° 24' 01"					C-48-35-D-d
Sông Ray	TV	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-47-B-a; C-48-35-B-d
cầu Sông Kinh	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 30' 47"	107° 24' 08"					C-48-35-D-d
đập Sông Kinh	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 30' 42"	107° 24' 17"					C-48-35-D-d
bia Di tích Lịch sử Tàu không số	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 28' 05"	107° 21' 42"					C-48-47-B-a
ấp Thanh Sơn 1A	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 31' 52"	107° 23' 20"					C-48-35-D-d
ấp Thanh Sơn 2A	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 31' 42"	107° 23' 32"					C-48-35-D-d
Cầu Trọng	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 31' 20"	107° 22' 10"					C-48-35-D-c
ấp Xóm Rẫy	DC	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 31' 17"	107° 23' 48"					C-48-35-D-d
bến xe Xuyên Mộc	KX	xã Phước Thuận	H. Xuyên Mộc	10° 32' 01"	107° 23' 27"					C-48-35-D-d
đường tỉnh 328	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 45' 41"	107° 23' 28"	10° 32' 10"	107° 23' 51"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-b
ấp 4B	DC	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 43' 20"	107° 24' 07"					C-48-35-D-b
đồi Bát Man	SV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 45' 32"	107° 25' 25"					C-48-35-B-d
ấp Bàu Chiên	DC	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 43' 41"	107° 24' 20"					C-48-35-D-b
ấp Bàu Hàm	DC	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 54"	107° 26' 04"					C-48-35-D-b
ấp Bàu Ngứa	DC	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 43' 13"	107° 26' 01"					C-48-35-D-b
ấp Bàu Sỏi	DC	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 44' 31"	107° 23' 00"					C-48-35-D-b
Suối Cạn	TV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 43' 20"	107° 23' 44"	10° 44' 47"	107° 23' 14"	C-48-35-D-b
suối Cầu Trờ	TV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 47' 17"	107° 27' 10"	10° 47' 39"	107° 26' 03"	C-48-35-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
nông trường cao su Hoà Bình 2	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 42' 21"	107° 24' 23"					C-48-35-D-b
trường bắn quốc gia Khu vực 3	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 47' 39"	107° 26' 03"					C-48-35-B-d
Suối Lê	TV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 42' 33"	107° 23' 55"	10° 43' 16"	107° 21' 29"	C-48-45-D-b; C-48-35-D-a
núi Mây Tàu	SV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 46' 23"	107° 30' 18"					C-48-36-A-c
cầu Ông Thung	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 43' 42"	107° 26' 02"					C-48-35-B-d
Sông Ray	TV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 46' 20"	107° 24' 17"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-35-B-d; C-48-47-B-a
cầu Sông Ray	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 45' 41"	107° 23' 28"					C-48-35-B-d
hồ Sông Ray	TV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 41' 36"	107° 21' 12"					C-48-35-D-b
ấp Suối Lê	DC	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 43' 19"	107° 22' 59"					C-48-35-D-b
trại cải tạo T345	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 44' 39"	107° 23' 56"					C-48-35-D-b
Sông Trong	TV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 46' 44"	107° 28' 37"	10° 27' 31"	107° 20' 36"	C-48-35-B-d
cầu Xa Ấc	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 45' 01"	107° 24' 11"					C-48-35-B-d
suối Xa Ấc	TV	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc			10° 43' 20"	107° 23' 44"	10° 44' 34"	107° 22' 42"	C-48-35-D-b
trại giam Xuyên Mộc A	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 45' 52"	107° 23' 53"					C-48-35-B-d
trại giam Xuyên Mộc B	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 44' 57"	107° 24' 22"					C-48-35-D-b
trại giam Xuyên Mộc C	KX	xã Tân Lâm	H. Xuyên Mộc	10° 45' 32"	107° 25' 55"					C-48-35-B-d
quốc lộ 55	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc			10° 29' 45"	107° 12' 46"	10° 34' 53"	107° 34' 03"	C-48-47-A-b+d; C-48-36-C-c
đường tỉnh 329	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc			10° 33' 57"	107° 25' 19"	10° 42' 53"	107° 30' 29"	C-48-36-C-a; C-48-35-D-b
đường Bình Ba Đá Bạc-Phước Tân Xuyên Mộc	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc			10° 34' 20"	107° 21' 01"	10° 33' 01"	107° 26' 26"	C-48-35-D-c
Suối Cát	TV	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc			10° 40' 38"	107° 23' 16"	10° 33' 04"	107° 26' 10"	C-48-35-D-d
suối Cây Đa	TV	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc			10° 34' 24"	107° 24' 02"	10° 32' 58"	107° 24' 19"	C-48-35-D-d
Núi Đất	SV	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 34' 45"	107° 24' 46"					C-48-35-D-d
Suối Đôn	TV	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc			10° 34' 55"	107° 24' 09"	10° 35' 18"	107° 25' 37"	C-48-35-D-d
Sông Hoà	TV	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc			10° 33' 04"	107° 26' 10"	10° 30' 56"	107° 24' 09"	C-48-35-D-d
nghĩa trang huyện Xuyên Mộc	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 34' 46"	107° 24' 31"					C-48-35-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Minh Quang	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 31"	107° 25' 06"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Đức	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 34' 28"	107° 24' 48"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Hoà	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 34' 17"	107° 25' 40"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Nghĩa	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 28"	107° 25' 17"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Phước	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 13"	107° 24' 49"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Tâm	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 54"	107° 25' 30"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Thuận	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 34' 26"	107° 25' 14"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Tiến	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 59"	107° 25' 09"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Trí	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 29"	107° 24' 51"					C-48-35-D-d
ấp Nhân Trung	DC	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 32' 43"	107° 25' 09"					C-48-35-D-d
cầu Số 1	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 35' 08"	107° 25' 49"					C-48-35-D-d
cầu Suối Cát 1	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 12"	107° 26' 13"					C-48-35-D-d
chùa Tân Bửu	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 44"	107° 24' 48"					C-48-35-D-d
giáo xứ Văn Côi	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 34' 20"	107° 24' 51"					C-48-35-D-d
đình Xuyên Mộc	KX	xã Xuyên Mộc	H. Xuyên Mộc	10° 33' 46"	107° 25' 35"					C-48-35-D-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa